

Số: ~~1745~~ /ĐA-UBND

Gia Lai, ngày 15 tháng 8 năm 2019

ĐỀ ÁN
SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (CHƯA ĐẠT 50% CẢ 02
TIÊU CHUẨN VỀ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ QUY MÔ DÂN SỐ) CỦA
TỈNH GIA LAI, GIAI ĐOẠN 2019-2021

Phần I
CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT
SẮP NHẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13;
2. Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
3. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã;
4. Nghị quyết số 56/2017/QH14 ngày 24/11/2017 của Quốc hội về việc tiếp tục cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;
5. Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;
6. Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân loại đô thị;
7. Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;
8. Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021;
9. Văn bản số 2115/BNV-CQĐP ngày 16/5/2019 của Bộ Nội vụ hướng dẫn mẫu hồ sơ đề án sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã thực hiện trong giai đoạn 2019-2021;
10. Kết luận số 771-KL/TU ngày 28/6/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thống nhất thông qua “Phương án tổng thể sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính chưa đạt 50% cả 02 tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2021”; Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 29/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt “Phương án tổng thể sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính chưa đạt 50% cả 02 tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2021”.

II. SỰ CẦN THIẾT SẮP NHẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH (ĐVHC)
CẤP XÃ CỦA TỈNH GIA LAI

Tỉnh Gia Lai được tách ra từ tỉnh Gia Lai-Kon Tum theo Nghị quyết Quốc hội khóa VIII, kỳ họp thứ 9 ngày 12/8/1991. Thời điểm đó, tỉnh Gia Lai có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và 146 đơn vị hành chính cấp xã; đã góp phần quan trọng trong việc tổ chức

quản lý hành chính theo lãnh thổ ổn định, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội ở địa phương. Từ khi tách tỉnh đến nay, các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh được điều chỉnh chủ yếu theo hướng chia tách và nâng cấp thành đô thị; gắn với xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng theo từng giai đoạn ở địa phương. Quá trình đô thị hóa các vùng nông thôn, phải điều chỉnh địa giới địa giới hành chính nhằm xây dựng mô hình tổ chức chính quyền phù hợp, góp phần nâng cao tỷ lệ đô thị hóa ở tỉnh. Đồng thời, tỉnh Gia Lai đặc thù miền núi, vùng cao, có vùng biên giới, đông đồng bào dân tộc thiểu số, diện tích tự nhiên rộng, địa hình bị chia cắt nên cần điều chỉnh địa giới hành chính để nâng cao hiệu quả quản lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế-xã hội, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Vì vậy, đến nay tỉnh Gia Lai đã qua nhiều lần chia tách cấp huyện, cấp xã nên đã nâng tổng số đơn vị hành chính của tỉnh hiện nay lên 17 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện) và 222 đơn vị hành chính cấp xã (gồm: 24 phường, 14 thị trấn và 184 xã), tăng thêm 07 đơn vị hành chính cấp huyện, 76 đơn vị hành chính cấp xã.

Bên cạnh kết quả đạt được, việc chia, tách đơn vị hành chính các cấp thời gian qua đã nảy sinh một số bất cập và hạn chế; có đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã quy mô quá nhỏ, không gian phát triển bị chia cắt, gây ra nhiều khó khăn, cản trở trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế-xã hội tầm vĩ mô cũng như quy hoạch, kế hoạch phát triển vùng; nguồn lực của địa phương và Trung ương nhằm phát triển kinh tế-xã hội bị phân tán, nhất là trong điều kiện Trung ương đang đẩy mạnh phân cấp, trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho chính quyền địa phương; việc tăng số lượng đơn vị hành chính các cấp đã dẫn đến tổ chức bộ máy, biên chế của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị ở địa phương mở rộng; ngân sách nhà nước chi cho các hoạt động của bộ máy, xây dựng trụ sở, mua sắm mới trang thiết bị làm việc tăng; đại đa số đơn vị cấp huyện, cấp xã thu ngân sách tại địa phương không đủ cân đối chi thường xuyên, chủ yếu Trung ương phải hỗ trợ.

Triển khai thực hiện chủ trương của Đảng tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương lần thứ 6 khóa XII, Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị. Thực hiện Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019-2021; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021. Căn cứ Kết luận số 771-KL/TU ngày 28/6/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thống nhất thông qua “Phương án tổng thể sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính chưa đạt 50% cả 02 tiêu chuẩn theo quy định về quy mô dân số, diện tích tự nhiên trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2021”. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai xây dựng Đề án chi tiết sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số trong giai đoạn 2019-2021, cụ thể dưới đây.

Phần II **HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC** **CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH GIA LAI**

I. QUÁ TRÌNH THÀNH LẬP, NHẬP, CHIA, GIẢI THỂ, ĐIỀU CHỈNH ĐỊA GIỚI ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH GIA LAI TỪ NĂM 1991 ĐẾN NAY

1. Số lượng ĐVHC các cấp của tỉnh tại thời điểm năm 1991 (thành lập tỉnh Gia Lai đến nay): Có 10 ĐVHC cấp huyện và 146 ĐVHC cấp xã.

2. Khái quát quá trình thành lập, nhập, chia, giải thể, điều chỉnh địa giới ĐVHC các cấp từ năm 1991 đến nay:

Thực hiện Nghị quyết kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa VIII ngày 12/8/1991, tỉnh Gia Lai-Kon Tum được tách thành hai tỉnh là tỉnh Gia Lai và tỉnh Kon Tum. Theo đó, tỉnh Gia Lai có 10 đơn vị hành chính cấp huyện và 146 đơn vị hành chính cấp xã. Từ khi tách tỉnh đến năm 2009, trên địa bàn tỉnh đã trải qua nhiều lần chia, tách, thành lập mới các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã với tổng số đơn vị hành chính là 239 đơn vị, gồm: 17 đơn vị hành chính cấp huyện và 222 đơn vị hành chính cấp xã (tăng thêm 07 đơn vị hành chính cấp huyện và 76 đơn vị hành chính cấp xã). Từ năm 2009 đến nay, các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai giữ ổn định.

3. Số lượng ĐVHC các cấp của tỉnh Gia Lai đến thời điểm 31/5/2019:

- Cấp huyện: 17 ĐVHC (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện).
- Cấp xã: 222 ĐVHC (gồm: 24 phường, 14 thị trấn và 184 xã).

II. ĐVHC CÁC CẤP CỦA TỈNH GIA LAI

1. Đối với ĐVHC tỉnh:

1.1. Diện tích tự nhiên năm 2018: 15.510,99 km² (Số liệu diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cung cấp tại văn bản số 1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019).

1.2. Dân số trung bình ước năm 2018: 1.458.539 người (Số liệu dân số do Cục Thống kê tỉnh Gia Lai cung cấp ngày 16/4/2019).

1.3. Các chỉ tiêu cơ bản về phát triển kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh đạt được của tỉnh tính đến cuối năm 2018: Tổng sản phẩm trong tỉnh năm 2018 tăng 8,0% so với năm 2017 (nông-lâm nghiệp-thủy sản tăng 5,73%; công nghiệp-xây dựng tăng 9,69%; dịch vụ tăng 8,64%; thuế sản phẩm tăng 10,0%); cơ cấu kinh tế chuyển dịch phù hợp, trong đó nông lâm nghiệp-thủy sản chiếm 37,94%, công nghiệp-xây dựng chiếm 28,19%, dịch vụ chiếm 33,87%. GRDP bình quân đầu người đạt 45,36 triệu đồng; thu ngân sách nhà nước đạt 4.456 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2018 ước thực hiện 470 triệu USD, đạt 100% kế hoạch, tăng 4,44% so với cùng kỳ. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 58.300 tỷ đồng, bằng 101,39% kế hoạch, tăng 13,53% so với cùng kỳ. Toàn tỉnh hiện có 787 trường mầm non, phổ thông (giảm 59 trường so với năm học 2017-2018, do triển khai đề án sáp nhập trường, lớp trên địa bàn tỉnh) với 11.397 lớp và 388.176 học sinh; tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo đạt 88% (đạt kế hoạch); có 390 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt 36,8% (kế hoạch là 33%). Tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh đến cuối năm 2018 giảm xuống còn 10,04%; giảm 3,3% so với cuối năm 2017 và vượt so với kế hoạch 3% tỉnh giao. Quốc phòng an ninh được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

2. Số lượng ĐVHC cấp huyện:

2.1. Có 17 đơn vị hành chính (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện).

2.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện đạt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số theo quy định có: 05 đơn vị (gồm: Thành phố Pleiku và 04 huyện: Ia Grai, Đak Đoa, Chư Prông, Krông Pa).

2.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định có: 12 đơn vị (gồm: Thị xã An Khê, Thị xã Ayun Pa và 10 huyện: Kbang, Chư Păh, Kông Chro, Ia Pa, Mang Yang, Phú Thiện, Đak Pơ, Đức Cơ, Chư Puh, Chư Sê). Trong đó:

a) Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số nhưng có cả 02 tiêu chuẩn đều đạt từ 50% trở lên theo quy định, gồm 12 đơn vị (02 thị xã, 10 huyện đã nêu ở trên).

b) Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện có 01 tiêu chuẩn đạt từ 50% trở lên, tiêu

chuẩn còn lại chưa đạt 50% theo quy định: **Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.**

c) Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định: **Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.**

(Chi tiết nêu tại Phụ lục 1A đính kèm. Riêng Phụ lục 1B, 1C theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: **Tỉnh Gia Lai không có**).

3. Số lượng ĐVHC cấp xã:

3.1. Có 222 đơn vị hành chính (gồm: 24 phường, 14 thị trấn và 184 xã).

3.2. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã đạt, vượt cả 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số có: 67 đơn vị (gồm: 07 phường, 10 thị trấn, 50 xã), chiếm 30,18%/tổng số đơn vị hành chính cấp xã.

3.3. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên, quy mô dân số theo quy định có: 155 đơn vị (gồm: 17 phường, 04 thị trấn, 134 xã), chiếm 69,82%. Trong đó:

a) Số lượng đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số nhưng cả 02 tiêu chuẩn đều đạt từ 50% trở lên theo quy định có: 115 đơn vị (gồm: 98 xã, 04 thị trấn, 13 phường).

b) Số lượng đơn vị hành chính cấp xã có 01 tiêu chuẩn đạt từ 50% trở lên, tiêu chuẩn còn lại chưa đạt 50% theo quy định có: 38 đơn vị (gồm: 34 xã, 04 phường), cụ thể:

- Chưa đạt 50% tiêu chuẩn diện tích tự nhiên, có 26 đơn vị (gồm: 22 xã, 04 phường).

- Chưa đạt 50% tiêu chuẩn quy mô dân số, có 12 đơn vị (gồm 12 xã).

c) Số lượng đơn vị hành chính cấp xã có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định có: Có 02 đơn vị hành chính xã.

(Chi tiết nêu tại Phụ lục 2A, 2B đính kèm. Riêng Phụ lục 2C theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ: **Tỉnh Gia Lai không có**).

III. HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP HUYỆN THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2021: Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12/3/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ, tỉnh Gia Lai không có ĐVHC cấp huyện bị cả hai tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 50% so với quy định. Do đó trong giai đoạn 2019-2021, tỉnh Gia Lai không có ĐVHC cấp huyện thuộc diện sắp xếp theo quy định.

IV. HIỆN TRẠNG CÁC ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2019-2021

1. Hiện trạng các ĐVHC cấp xã có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định:

1.1. Xã Chư HDrông thuộc thành phố Pleiku:

- Thuộc khu vực: Miền núi (theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ);

- Diện tích tự nhiên: 13,13 km², đạt 26,26%.

- Dân số trung bình năm 2018: 2.464 người, đạt 49,28%.

- Giáp ranh địa giới với các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ia Bằng thuộc huyện Đak Đoa; phía Tây giáp xã Gào, xã Ia Kênh thuộc thành phố Pleiku; phía Nam giáp xã Ia Bằng thuộc huyện Đak Đoa và xã Ia Bằng thuộc huyện Chư Prông; phía Bắc giáp phường Chi Lăng thuộc thành phố Pleiku.

1.2. Xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh:

- Thuộc khu vực: Miền núi (theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ);

- Diện tích tự nhiên: 11,82 km², đạt 23,64%;

- Dân số trung bình năm 2018: 1.106 người, đạt 22,12%.
- Giáp ranh địa giới với các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa; phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh; phía Nam giáp xã Tân Sơn thuộc thành phố Pleiku; phía Bắc giáp xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh.

2. Hiện trạng các đơn vị hành chính cấp xã không thuộc khoản 1 nêu trên nhưng được địa phương thực hiện sắp xếp theo diện khuyến khích: Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.

PHẦN III

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH GIA LAI GIAI ĐOẠN 2019-2021

I. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN:
Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Số lượng đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp: Có 02 đơn vị hành chính cấp xã. Trong đó:

1.1. Số lượng và danh sách đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp do có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định, gồm: Xã Chư HDrông thuộc thành phố Pleiku và xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh.

1.2. Đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sắp xếp theo diện khuyến khích: Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.

2. Số lượng các ĐVHC cấp xã có 02 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số chưa đạt 50% theo quy định nhưng địa phương đề nghị chưa tiến hành sắp xếp trong giai đoạn 2019-2021: Tỉnh Gia Lai không có trường hợp này.

3. Phương án cụ thể sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã:

3.1. Xã Chư HDrông thuộc thành phố Pleiku (Chi tiết nêu tại Phụ lục 4A-1 đính kèm):

a) Phương án sắp xếp:

Sắp xếp, sáp nhập nguyên trạng xã Chư HDrông và phường Chi Lăng thuộc thành phố Pleiku để thành lập một đơn vị hành chính mới là phường Chi Lăng.

b) Tên đơn vị hành chính mới: Phường Chi Lăng.

- Diện tích tự nhiên: 25,67 km², đạt 466,73% so với tiêu chuẩn quy định tối thiểu đối với phường thuộc thành phố trực thuộc tỉnh.

- Quy mô dân số 10.476 người, đạt 149,66% so với tiêu chuẩn tối thiểu quy định đối với phường thuộc thành phố trực thuộc tỉnh.

c) Địa giới hành chính sau khi sắp xếp: Phía Đông giáp phường Thắng Lợi, xã Chư ă thuộc thành phố Pleiku và xã Ia Bằng thuộc huyện Đak Đoa; phía Tây giáp phường Hội Phú, xã Ia Kênh và xã Gào thuộc thành phố Pleiku; phía Nam giáp xã Ia Bằng thuộc huyện Đak Đoa; phía Bắc giáp phường Hội Phú và phường Trà Bá thuộc thành phố Pleiku.

d) Trụ sở ĐVHC mới: Bố trí tại trụ sở của phường Chi Lăng cũ.

đ) Đánh giá tiêu chuẩn của ĐVHC sau khi sắp xếp:

- Đánh giá xếp loại ĐVHC mới sau khi sắp xếp (đối với phường) theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, cụ thể:

Stt	Các tiêu chuẩn (Điều 19, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13)	Đơn vị tính	Kết quả đạt được sau khi sáp nhập (Số liệu tính ngày 31/12/2018)		Số điểm tự chấm	Ghi chú
			Hiện trạng	Tiêu chuẩn quy định (điểm)		
1	Quy mô dân số	Người	10.476	35	23,5	
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	25,67	30	21,5	
3	Trình độ phát triển kinh tế - xã hội					
3.1	Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương. Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%	45,04	8	3	
3.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	38.21	5	1	
3.3	Đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt hay không	Đạt	5	5	
3.4	Tỷ lệ số hộ dân cư được dùng nước sạch	%		5	1	
3.5	Tỷ lệ hộ nghèo	%	0,26%	5	4,5	
4	Các yếu tố đặc thù					
4.1	Tỷ lệ dân số tạm trú quy đổi so với dân số thường trú	%		1	0	
4.2	Phường vùng cao hay vùng núi	VC, MN	MN	1	1,0	
4.3	Phường an toàn khu	Có hay không	Không	0,5	0	
4.4	Tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số	%	18,62	1	0	
4.5	Có di tích quốc gia đặc biệt hoặc có di sản được UNESCO công nhận	Có hay không	Không	1	0	
	Tổng số điểm (làm tròn)				61	
	Xếp loại				II	

- Đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của ĐVHC đô thị (phường).
Căn cứ quy định tại Điều 8 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày
25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phường Chi Lăng (mới):

+ Tiêu chuẩn về Quy mô dân số: Có tổng dân số là 10.476 người, đạt 149,66 %
so với tiêu chuẩn quy định.

+ Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên: Có tổng diện tích tự nhiên là 25,67 km², đạt
466,73% so với tiêu chuẩn quy định.

+ Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế-xã hội theo quy định tại Phụ lục 1 ban
hành kèm theo Nghị quyết 1211/2016/UBTVQH13, theo bảng sau:

Stt	Các tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13	Sau khi sáp xếp	Đánh giá
1	Cân đối thu chi ngân sách	Đủ	Đủ	Không đủ	Không đạt
2	Tỷ lệ hộ nghèo trung bình 3 năm gần nhất	%	Đạt bình quân của của thành phố (1,23%)	0,26%	Đạt
3	Tỷ lệ lao động phi NN nội thị	%	≥80	76,51	Không đạt

+ Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13, theo bảng sau:

Stt	Tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Theo quy định	Sau khi sắp xếp	Đánh giá
1	Đất công trình giáo dục mầm non và phổ thông cơ sở	m ² / người	≥ 2,7	2,72	Đạt
2	Trạm y tế (≥ 500m ² /trạm)	trạm/5.000 người	≥ 1	1	Đạt
3	Sân luyện tập (≥ 3.000m ²)	m ² /người	≥ 0,5	0,5	Đạt
4	Chợ hoặc siêu thị	công trình	≥ 1	1	Đạt
5	Đất cây xanh sử dụng công cộng	m ² / người	≥ 2	2,3	Đạt
6	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	≥ 11	3,4	Không đạt
7	Cấp điện sinh hoạt	kwh/người /năm	≥ 700	720	Đạt
8	Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng	%	≥ 95	100	Đạt
9	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch, hợp vệ sinh	%	≥ 95	97	Đạt
10	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km ²	≥ 4	1,2	Không đạt
11	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	≥ 30	0	Không đạt
12	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	≥ 80	83	Đạt

Như vậy, căn cứ quy định tại khoản 3, khoản 4, Điều 3 Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 thì đơn vị hành chính phường Chi Lăng (mới) đáp ứng vượt tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số quy định tại Nghị quyết số 1211/2019/UBTVQH13; do đó không xem xét điều kiện về sự phù hợp với định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế-xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 đối với ĐVHC dự kiến hình thành sau khi sắp xếp. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có thống kê báo cáo, giải trình rõ ở trên. Căn cứ quy định hiện hành thì đơn vị hành chính phường Chi Lăng (mới) đảm bảo tiêu chuẩn quy định của đơn vị hành chính phường (đô thị thuộc thành phố trực thuộc tỉnh).

3.2. Xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh (Có Phụ lục 4A-1 đính kèm):

a) Phương án sắp xếp:

Sắp xếp, sáp nhập nguyên trạng xã Chư Jôr và xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh để thành lập một đơn vị hành chính mới là xã Chư Đang Ya.

b) Tên đơn vị hành chính mới: Xã Chư Đang Ya.

- Diện tích tự nhiên: 54,19 km², đạt 108,38% so với tiêu chuẩn tối thiểu quy định đối với xã miền núi.

- Quy mô dân số: 3.578 người, đạt 71,56% so với tiêu chuẩn tối thiểu quy định đối với xã miền núi.

c) Địa giới hành chính sau khi sắp xếp: Phía Đông giáp xã Hà Bầu, xã Đak Krong thuộc huyện Đak Đoa; phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh; phía Nam giáp xã Tân Sơn thuộc thành phố Pleiku và xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa; phía Bắc giáp xã Hòa Phú, xã Ia Khuol và xã Đăk Tơ Ver thuộc huyện Chư Păh.

d) Trụ sở ĐVHC mới: bố trí tại trụ sở của xã Chư Đang Ya (cũ).

đ) Đánh giá tiêu chuẩn của đơn vị hành chính sau khi sắp xếp:

- Đánh giá xếp loại đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp đơn vị hành chính nông thôn (đối với xã) theo quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, cụ thể:

Stt	Các tiêu chuẩn (Điều 14, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13)	Đơn vị tính	Kết quả sau khi sáp nhập (Số liệu tính ngày 31/12/2018)		Số điểm tự chấm	Ghi chú
			Hiện trạng	Tiêu chuẩn quy định		
1	Quy mô dân số	Người	3.578	5000	10	
2	Diện tích tự nhiên	Km ²	54,19	50 km ²	30	
3	Trình độ phát triển kinh tế - xã hội					
3.1	Tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương. Trường hợp chưa tự cân đối được thu, chi ngân sách địa phương, nếu có số thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương	%	80%	100	8	
3.2	Xã được công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới. Trường hợp xã chưa công nhận NTM, nếu đạt được tiêu chí nào trong hệ thống các tiêu chí quy định chuẩn NTM thì mỗi tiêu chí được tính điểm và không quá điểm tối đa quy định.	Công nhận hoặc đạt theo các tiêu chí	10	Mỗi tiêu chí được 01 điểm	10	
4	Yếu tố đặc thù					
4.1	Tỷ lệ dân số là người dân tộc thiểu số	%	64		2	
4.2	Xã đặc biệt khó khăn	Có hoặc không	1	1	1	
4.3	Xã An toàn khu	Có hoặc không	Không		0	
4.4	Xã có di tích lịch sử đặc biệt cấp quốc gia hoặc được UNESCO công nhận	Có hoặc không	Không		0	
	Tổng số điểm				61	
	Xếp loại				II	

- Đánh giá tiêu chuẩn đơn vị hành chính sau khi sắp xếp:

Căn cứ quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì xã Chư Đăng Ya (mới):

+ Tiêu chuẩn về Quy mô dân số: Có tổng dân số là 3.578 người, đạt 71,56 % so với tiêu chuẩn quy định: Chưa đạt

+ Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên: Có tổng diện tích tự nhiên là 54,19 km², đạt 108,38 % so với tiêu chuẩn quy định: Đạt

Như vậy, theo quy định thì xã Chư Đăng Ya (mới) chưa đạt tiêu chuẩn quy mô dân số. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều 2, Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 và khoản 3, phần III của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ thì trường hợp này thuộc diện đặc thù; tỉnh Gia Lai giải trình như sau:

Xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh (ĐVHC thuộc diện sáp nhập) có vị trí địa lý: Phía Tây giáp với xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh, phía Bắc giáp với xã Chư Đăng Ya thuộc huyện Chư Păh, phía Đông giáp xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa, phía Nam giáp xã Tân Sơn thuộc thành phố Pleiku. Như vậy, trên địa bàn huyện Chư Păh, xã Chư Jôr chỉ giáp với xã Nghĩa Hưng và xã Chư Đăng Ya thuộc huyện Chư Păh.

Trong hai xã tiếp giáp xã Chư Jôr thì xã Chư Đăng Ya thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2022-2030, do diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn quy

định. Vị trí địa lý của xã Chư Đang Ya: Phía Bắc giáp với xã Hòa Phú, xã Ia Khuol, xã Đăk Tơ Ver thuộc huyện Chư Păh; có địa hình đồi núi, hiểm trở, không có đường giao thông đi lại. Phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh nhưng không có đường giao thông kết nối qua lại. Phía Đông giáp với xã Đăk Rong thuộc huyện Đăk Đoa. Phía Nam giáp xã Chư Jôr, có đường giao thông huyết mạch duy nhất, kết nối với xã Chư Jôr để đi sang các xã khác (xã Nghĩa Hưng). Do đó, phương án sắp xếp xã Chư Đang Ya chỉ có thể sáp nhập duy nhất với xã Chư Jôr trên địa bàn huyện Chư Păh.

Sau khi sáp nhập hai xã Chư Jôr và xã Chư Đang Ya mà vẫn phải nhập thêm 01 xã khác để đảm bảo tiêu chí quy mô dân số theo quy định thì chỉ có thể nghiên cứu đối với xã Nghĩa Hưng (đơn vị hành chính duy nhất còn lại có kết nối với xã Chư Jôr). Qua khảo sát, đánh giá thì nếu sáp nhập thêm xã Nghĩa Hưng thì sẽ không thuận lợi trong hoạt động quản lý, điều hành ở cơ sở do địa bàn rộng, dân cư phân tán; khoảng cách giữa các làng đồng bào dân tộc thiểu số với khu dân cư trung tâm không thuận lợi trong kết nối phát triển. Mặt khác, dự kiến xã Nghĩa Hưng thuộc diện nghiên cứu sáp nhập giai đoạn 2022-2030 với thị trấn Phú Hòa, xã Nghĩa Hòa do không đảm bảo tiêu chuẩn quy định; từ đó thành lập 02 đơn vị hành chính mới, gắn với tổng thể phát triển kinh tế-xã hội của huyện Chư Păh.

Vì các lý do nêu trên, tỉnh Gia Lai xây dựng Phương án sáp nhập xã Chư Jôr với xã Chư Đang Ya là phù hợp và đảm bảo định hướng lâu dài sau này; thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, giao dịch với chính quyền và đảm bảo công tác an ninh trên địa bàn.

III. SỐ LƯỢNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ CỦA TỈNH GIA LAI SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP

1. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trước khi thực hiện sắp xếp:

1.1. Cấp huyện: Có 17 đơn vị (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện).

1.2. Cấp xã: Có 222 đơn vị (gồm: 24 phường, 14 thị trấn và 184 xã).

2. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã sau khi thực hiện sắp xếp:

2.1. Cấp huyện: Giữ nguyên 17 đơn vị (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện).

2.2. Cấp xã: Có 220 đơn vị (gồm: 24 phường, 14 thị trấn và 182 xã). Giảm 02 đơn vị hành chính xã.

3. Số lượng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giảm do sắp xếp:

3.1. Cấp huyện: Giữ nguyên 17 đơn vị (gồm: 01 thành phố, 02 thị xã và 14 huyện).

3.2. Cấp xã: Sau khi thực hiện sắp xếp, tỉnh Gia Lai giảm 02 ĐVHC xã (gồm: xã Chư HDrông thuộc thành phố Pleiku và xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh).

PHẦN IV ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Tác động về hoạt động quản lý nhà nước:

1.1. *Tác động tích cực:* Việc sắp xếp đơn vị hành chính sẽ thúc đẩy phát triển toàn diện tại địa bàn; từ đó đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở. Nâng cao năng lực, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách gắn với xử lý giải quyết đôi dư các trường hợp không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã gắn với thực hiện nhiệm vụ phát triển đô thị thông qua việc nhập xã vào phường, sẽ tạo tiền đề tổ chức, mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị (phường), đáp ứng yêu cầu quản lý đối với quá trình đô thị hóa diễn ra trên địa bàn.

1.2. Tác động tiêu cực: Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã sẽ ảnh hưởng nhất định đến công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân; do phải thay đổi các loại giấy tờ có liên quan. Công tác quản lý nhà nước bước đầu cần phải có thời gian để ổn định. Đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách có sự sắp xếp, xáo trộn trong việc giải quyết công việc theo địa bàn mới.

2. Tác động về kinh tế-xã hội:

2.1. Tác động tích cực: Sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã không phải như chia tách nên không làm chia nhỏ, phân tán nguồn lực, làm giảm tiềm năng lợi thế; qua đó góp phần làm tăng nguồn lực, quy mô nền kinh tế, hiệu quả đầu tư xã hội tại các đơn vị hành chính mới (hình thành sau khi sắp xếp); giảm chi phí xây dựng công sở, mua sắm trang thiết bị, giảm chi ngân sách nhà nước; tổ chức bộ máy được tinh gọn, biên chế tinh giản giúp tiết kiệm chi thường xuyên; các nguồn lực công sẽ được tập trung cho đầu tư cơ sở hạ tầng, phát triển kinh tế-xã hội của địa phương. Cơ chế chính sách trong thu hút đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh của các đơn vị hành chính hình thành sau khi sắp xếp không có thay đổi, nâng cao năng lực sản xuất theo hướng đa dạng và hiệu quả hơn; các dịch vụ trực tiếp hỗ trợ sản xuất, kinh doanh và phục vụ đời sống người dân sẽ được nâng lên cả về số lượng và chất lượng.

2.2. Tác động tiêu cực: Sự phát triển kinh tế-xã hội và cũng như quá trình mở rộng quy mô đơn vị hành chính sẽ dẫn đến nhiều thách thức mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, lao động, giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường; đảm bảo trật tự, an toàn, xã hội. Công tác quản lý bước đầu gặp khó khăn như: Quản lý đất đai, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, thực hiện các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, cơ sở hạ tầng xã hội.

3. Tác động về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự xã hội:

3.1. Tác động tích cực: Sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã làm tăng quy mô, nguồn lực, hiệu quả đầu tư kinh tế-xã hội; gắn phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường bảo đảm quốc phòng -an ninh. Đồng thời, việc bố trí công an chính quy trong thời gian tới sẽ góp phần đảm bảo trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn; củng cố nền Quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc.

3.2. Tác động tiêu cực: Việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã sẽ có một số tác động khách quan theo xu hướng chung như: dân cư phân tán, quy mô dân số tăng, địa bàn quản lý mở rộng, tổ chức bộ máy được thu gọn nên bước đầu sẽ khó khăn trong công tác quản lý nhà nước và duy trì ổn định các hoạt động. Từ đó, cần có nỗ lực của toàn hệ thống chính trị ở cơ sở để đảm bảo giữ vững Quốc phòng, an ninh trong tình hình mới.

4. Tác động về cải cách thủ tục hành chính và dịch vụ công:

4.1. Tác động tích cực: Việc sáp nhập nguyên trạng đơn vị hành chính cấp xã gắn với tinh gọn tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách có năng lực sẽ góp phần thực hiện tốt hơn việc cung cấp dịch vụ công và cải cách thủ tục hành chính; giảm số lượng thủ tục hành chính thực hiện trên cả 02 đơn vị hành chính trước đây; huy động nguồn lực tập trung hơn để phục vụ người dân. Từ đó góp phần nâng cao hiệu quả của công tác quản lý hành chính và điều hành của chính quyền địa phương.

4.2. Tác động tiêu cực: Việc thành lập đơn vị hành chính mới phải thực hiện ngay công tác giải quyết các thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân có nhu cầu do thay đổi các loại giấy tờ có liên quan; ảnh hưởng đến tâm lý, thời gian, chi phí phát sinh của người dân.

5. Đánh giá khi sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã đang hưởng các chính sách đặc thù khác nhau liên quan đến đơn vị hành chính (nếu có):

5.1. Tác động tích cực: Trong 04 đơn vị hành chính cấp xã thực hiện sáp nhập trong giai đoạn 2019-2021 ở tỉnh Gia Lai thì có 02 đơn vị hành chính xã (xã Chư Jôr, xã Chư Đăng Ya thuộc huyện Chư Păh) là đơn vị hành chính thuộc khu vực III. Việc sáp nhập 02 xã thuộc khu vực III sẽ giúp cấp huyện tập trung các nguồn lực để đầu tư đẩy mạnh phát triển kinh tế-xã hội và nâng cao đời sống cho nhân dân. Các chế độ, chính sách vẫn giữ nguyên.

5.2. Tác động tiêu cực: Sau khi sáp nhập, đơn vị hành chính xã mới có nhiều thôn, làng thuộc diện đặc biệt khó khăn; điều này sẽ gây áp lực rất lớn đối với đơn vị hành chính xã mới. Cần phải đầu tư, xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất nông nghiệp và đẩy mạnh các chương trình hỗ trợ, tạo việc làm tại chỗ cho người lao động; đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái bền vững; khuyến khích phát triển mạnh các nghề thủ công truyền thống, các nghề phi nông nghiệp ở nông thôn gắn với du lịch văn hóa, xóa đói giảm nghèo bền vững.

II. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

1. Thuận lợi:

- Cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được quán triệt, nắm rõ quan điểm, mục tiêu, thống nhất nhận thức trong quá trình tổ chức triển khai sáp nhập đơn vị hành chính ở tỉnh.

- Trung ương có chỉ đạo hướng dẫn, chỉ rõ những công việc phải làm để địa phương thuận lợi trong quá trình thực hiện.

- Hiệu quả của việc mở rộng đơn vị hành chính đã rõ, do đó việc triển khai thực hiện được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân đồng tình ủng hộ.

2. Khó khăn, vướng mắc:

- Quá trình triển khai thực hiện tại địa phương bị dồn tiến độ do quy trình và hướng dẫn của Trung ương còn chậm. Có những công việc cần hướng dẫn cụ thể nhưng quy định còn chung chung, giao cho mỗi địa phương tự quyết định khác nhau.

- Hiện chưa có cơ chế, chính sách giải quyết các trường hợp cán bộ, công chức, viên chức, người lao động dôi dư phải nghỉ việc để thực hiện thống nhất trong cả nước mà do từng địa phương quy định. Vì thế không thể trách khỏi sự so bì cao thấp trong giải quyết chính sách nghỉ việc.

- Quy trình thực hiện lấy ý kiến cử tri và họp Hội đồng nhân dân các cấp bị rút ngắn những chưa có hướng dẫn chi tiết thực hiện (nhất là vấn đề tài chính); do đó địa phương thực hiện không tránh khỏi lúng túng.

- Việc sắp xếp, sáp nhập chủ yếu dựa vào tiêu chí quy mô dân số và diện tích tự nhiên. Tuy nhiên các quy định hiện hành về tiêu chuẩn này chưa sát với yếu tố vùng miền, đặc thù miền núi, vùng cao và đồng bằng, không phân biệt đô thị và nông thôn. Vì thế, quá trình xác định đơn vị hành chính phải sắp xếp, đơn vị hành chính đặc thù gặp khó khăn.

3. Nguyên nhân của những khó khăn, vướng mắc:

- Đây là công việc mới chưa có tiền lệ, liên quan đến quyền, lợi ích của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động nên không tránh khỏi lúng túng và có các ý kiến khác nhau.

- Hệ thống quy định pháp luật về công tác này chưa thể hoàn thiện trong thời gian ngắn; cần qua trình đánh giá, tổng kết, xây dựng hoàn chỉnh, khả thi.

- Đây là công việc phức tạp liên quan đến nhiều cấp, ngành nên không tránh khỏi sự phối hợp chưa thông suốt, nhịp nhàng, đồng bộ; ảnh hưởng đến quá trình thực tế triển khai thực hiện.

III. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG TRƯỜNG HỢP DÔI DƯ DO SẮP XẾP

1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp:

a) Đảng bộ, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị-xã hội của đơn vị hành chính mới:

- Thành lập Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội của ĐVHC cấp xã mới trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội sau sáp nhập (xã Chư HDRông sáp nhập với phường Chi Lăng thuộc thành phố Pleiku; xã Chư Jôr sáp nhập với xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh).

- Sau khi thành lập, Ban Thường vụ Thành ủy Pleiku, Huyện ủy Chư Păh; Ban Thường trực MTTQ và Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị-xã hội thành phố Pleiku, huyện Chư Păh thống nhất hiệp ý với Đảng ủy xã, phường (mới) quyết định thành lập Đảng bộ, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã hội của xã phường (mới); chỉ định người đứng đầu và cấp phó của tổ chức trực thuộc tổ chức mình tại đơn vị hành chính mới trong số các Đảng viên, hội viên, đoàn viên để điều hành hoạt động cho đến khi bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Thường vụ, Thường trực các tổ chức khóa mới theo quy định tại điều lệ của mỗi tổ chức.

b) Chính quyền ĐVHC mới:

- Đại biểu HĐND của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành đại biểu HĐND của ĐVHC cấp xã mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2016-2021 (quy định tại khoản 1, Điều 134, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015).

- Kỳ họp thứ nhất của HĐND ở ĐVHC mới do một triệu tập viên được Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của ĐVHC mới; trên cơ sở đó triệu tập và chủ tọa cho đến khi HĐND bầu ra Chủ tịch HĐND và các chức danh chính quyền của đơn vị hành chính cấp xã mới. HĐND của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của UBND theo quy định tại Điều 83 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và hoạt động cho đến khi HĐND khóa mới được bầu ra.

- Ủy ban nhân dân cấp huyện điều động, bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức theo quy định khi có Nghị quyết sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính cấp xã mới (sau khi sáp nhập).

2.1. Thực trạng sau sáp nhập:

a) Đối với thành phố Pleiku (Sau khi sáp nhập phường Chi Lăng và xã Chư HDRông): Tổng cộng có 17 cán bộ, 20 công chức, 26 người hoạt động không chuyên trách, cụ thể:

Cán bộ			Công chức			Người hoạt động KCT		
Stt	Chức vụ	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người
01	Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HĐND)	02	01	Trưởng Công an	01	01	Chủ nhiệm UBKT Đảng	Kiểm nhiệm
02	PBT Đảng ủy	02	02	CHT Quân sự	02	02	Tuyên giáo	Kiểm nhiệm
03	Chủ tịch HĐND	Kiểm nhiệm	03	Văn phòng-Thống kê	03	03	Dân vận	Kiểm nhiệm

Cán bộ			Công chức			Người hoạt động KCT		
Stt	Chức vụ	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người
04	Phó Chủ tịch HĐND	02	04	Văn hóa-Xã hội	04	04	Tổ chức Đảng	02
05	Chủ tịch UBND	02	05	Tư pháp-Hộ tịch	03	05	Phó Chủ tịch MTTQ	02
06	Phó Chủ tịch UBND	02	06	Địa chính-Xây dựng	04	06	Phó Chủ tịch Hội CCB	02
07	Chủ tịch MTTQ	01	07	Tài chính-Kế toán	03	07	PCT Hội Nông dân	02
08	CT Hội CCB	02				08	PCT Hội LHPN	02
09	CT Hội Nông dân	02				09	PBT Đoàn TN	02
10	CT Hội LHPN	01				10	CT Hội Chữ thập đỏ	01
11	BT Đoàn TN	01				11	Chủ tịch hội NCT	02
						12	Phó Trưởng Công an	01
						13	CAV Thường trực	02
						14	Phó CHT Quân sự	03
						15	Dân tộc-Tôn giáo	02
						16	Thú y-Chăn nuôi	02
						16	Quản lý Nhà văn hóa	Kiểm nhiệm
						17	Phụ trách Đài truyền thanh	Kiểm nhiệm
						19	Bảo vệ	01
Tổng số		17	Tổng số		20	Tổng số		26

b) Đối với huyện Chư Păh (Sau khi sáp nhập xã Chư Đăng Ya và xã Chư Jô): Tổng cộng có 20 cán bộ, 18 công chức, 24 người hoạt động không chuyên trách, cụ thể:

Cán bộ			Công chức			Người hoạt động KCT		
Stt	Chức vụ	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người	Stt	Chức danh	Số lượng người
01	Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HĐND)	02	01	Trưởng Công an	02	01	Chủ nhiệm UBKT Đảng	Kiểm nhiệm
02	Phó Bí thư Đảng ủy	02	02	CHT Quân sự	02	02	Tuyên giáo	Kiểm nhiệm
03	Chủ tịch HĐND	Kiểm nhiệm	03	Văn phòng-Thống kê	04	03	Dân vận	Kiểm nhiệm
04	Phó Chủ tịch HĐND	02	04	Văn hóa-Xã hội	03	04	Tổ chức Đảng	01
05	Chủ tịch UBND	02	05	Tư pháp-Hộ tịch	03	05	Phó Chủ tịch MTTQ	02
06	Phó Chủ tịch UBND	02	06	Địa chính-Xây dựng	02	06	PCT Hội CCB	02
07	Chủ tịch MTTQ	02	07	Tài chính-Kế toán	02	07	PCT Hội Nông dân	02
08	CT Hội CCB	02				08	PCT Hội LHPN	02
09	CT Hội Nông dân	02				09	PBT Đoàn TN	02
10	CT Hội LHPN	02				10	CT Hội Chữ Thập đỏ	01
11	BT Đoàn TN	02				11	CT Hội NCT	02
						12	Phó Trưởng Công an	01
						13	CAV Thường trực	-
						14	Phó CHT Quân sự	03

						15	Dân tộc-Tôn giáo	02
						16	Thú y-Chăn nuôi	02
						17	Quản lý Nhà văn hóa	-
						18	Phụ trách Đài truyền thanh	01
						19	Bảo vệ	01
Tổng số		20	Tổng số		18	Tổng số		24

2.2. Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính mới sau khi sáp nhập:

a) Đối với thành phố Pleiku, bố trí tại phường Chi Lăng mới như sau: Cán bộ 10 người, Công chức 10 người, Người hoạt động không chuyên trách 12 người (đảm bảo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ). Cụ thể:

Cán bộ				Công chức				Người hoạt động KCT			
Stt	Chức vụ	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư phải xử lý (người)	Stt	Chức danh	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư xử lý (người)	Stt	Chức danh	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư phải xử lý (người)
1	Bí thư Đảng ủy (kiêm CT HĐND)	01	01	1	Trưởng Công an	Chính quy	01	1	Chủ nhiệm UBKT Đảng	Kiểm nhiệm	
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	01	2	CHT Quân sự	01	0	2	Tuyên giáo	Kiểm nhiệm	
3	Chủ tịch HĐND	Kiểm nhiệm		3	Văn phòng - Thống kê	02	02	3	Dân vận	Kiểm nhiệm	
4	Phó Chủ tịch HĐND	01	01	4	Văn hóa-Xã hội	02	02	4	Tổ chức Đảng	01	01
5	CT UBND	01	01	5	Tư pháp-Hộ tịch	01	02	5	PCT MTTQ	01	01
6	Phó Chủ tịch UBND	01	01	6	Địa chính-Xây dựng	02	02	6	PCT Hội CCB	01	01
7	Chủ tịch MTTQ	01	-	7	Tài chính-Kế toán	02	01	7	PCT Hội Nông dân	01	01
8	Chủ tịch Hội CCB	01	01					8	PCT Hội LHPN	01	01
9	Chủ tịch Hội Nông dân	01	01					9	PBT Đoàn TN	01	01
10	Chủ tịch Hội LHPN	01	-					10	CT Hội Chữ Thập đỏ	01	-
11	BT Đoàn TN	01	-					11	CT Hội NCT	01	01
								12	Phó Trưởng Công an	Chính quy	01
								13	CAV Thường trực	Chính quy	02
								14	Phó CHT Quân sự	02	01
								15	Dân tộc-Tôn giáo	01	01
								16	Thú y-Chăn nuôi	01	01
								17	Quản lý nhà văn hóa	-	-
								18	Phụ trách đài truyền thanh	-	-
								19	Bảo vệ	-	01
Tổng		10	7	Tổng		10	10	Tổng		12	14

b) Đối với huyện Chư Păh, bố trí tại xã Chư Đăng Ya mới, như sau: Cán bộ 10 người, Công chức 10 người; Người hoạt động không chuyên trách 12 người (đảm bảo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ). Cụ thể:

Cán bộ				Công chức				Người hoạt động KCT			
Stt	Chức vụ	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư phải xử lý (người)	Stt	Chức danh	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư phải xử lý (người)	Stt	Chức danh	Sắp xếp tiếp tục công tác (người)	Đôi dư phải xử lý (người)
1	Bí thư Đảng ủy (kiêm CT HĐND)	-	02	1	Trưởng Công an	Chính quy	02	1	Chủ nhiệm UBKT Đảng	-	-
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	01	2	CHT Quân sự	01	01	2	Tuyên giáo	-	-
3	Chủ tịch HĐND	Kiêm nhiệm		3	Văn phòng-Thống kê	02	02	3	Dân vận	-	-
4	Phó chủ tịch HĐND	01	01	4	Văn hóa-Xã hội	02	01	4	Tổ chức Đảng	01	-
5	Chủ tịch UBND	02 (trong đó, 01 Điều động làm Bí thư Đảng ủy xã, kiêm Chủ tịch HĐND)	-	5	Tư pháp-Hộ tịch	01	02	5	Phó Chủ tịch MTTQ	01	02
6	Phó Chủ tịch UBND	01	01	6	Địa chính-Xây dựng	02	-	6	PCT Hội CCB	01	02
7	Chủ tịch MTTQ	01	01	7	Tài chính-Kế toán	02	-	7	PCT Hội Nông dân	01	02
8	Chủ tịch Hội CCB	01	01					8	Phó Chủ tịch Hội LHPN	01	02
9	CT Hội Nông dân	01	01					9	PBT Đoàn TN	01	02
10	Chủ tịch Hội LHPN	01	01					10	CT Hội Chữ thập đỏ	-	01
11	BT Đoàn Thanh niên	01	01					11	CT Hội NCT	01	01
								12	Phó Công an	01	-
								13	Công an viên Thường trực	-	-
								14	Chỉ huy phó Quân sự	02	01
								15	Dân tộc-Tôn giáo	01	01
								16	Thú y-Chăn nuôi	-	02
								17	Quản lý nhà văn hóa	-	-
								18	Phụ trách đài truyền thanh	-	01
								19	Bảo vệ	01	-
	Tổng	10	10		Tổng	10	8		Tổng	12	17

3. Phương án sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý và công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; các chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã.

a) Đối với thành phố Pleiku:

- Đối với cán bộ cấp xã: dôi dư 07 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp, bố trí trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBTVQH						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HDND)	01	x						Là cán bộ tăng cường, nay điều động về lại thành phố Pleiku
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	x						Điều động về Đảng ủy cấp xã khác
3	Phó Chủ tịch HDND	01	x						Bố trí làm công chức VH-XH tại đơn vị cấp xã khác
4	Chủ tịch UBND	01	x						Điều động về UBND cấp xã khác
5	Phó Chủ tịch UBND	01	x						Giải quyết nghỉ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
6	Chủ tịch hội CCB	01	x						Giải quyết nghỉ chế độ theo theo Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh cựu chiến binh
7	Chủ tịch Hội Nông dân	01	x						Điều động về UBND cấp xã khác
	Tổng	07							

** Như vậy, có 02 trường hợp giải quyết nghỉ chế độ; 01 trường hợp điều động về lại thành phố Pleiku; 04 trường hợp sắp xếp, bố trí sang đơn vị hành chính cấp xã khác.*

- Đối với công chức cấp xã: dôi dư 10 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp, bố trí trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBTVQH						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Trưởng Công an	01	x						Bố trí làm Công chức VH-XH ở đơn vị hành chính cấp xã khác
2	Văn phòng-Thống kê	02	x						Bố trí làm Công chức VP-TK ở các đơn vị hành chính cấp xã khác
3	Văn hóa-Xã hội	02	x						Bố trí làm Công chức VH-XH ở các đơn vị hành chính cấp xã khác
4	Tư pháp-Hộ tịch	02	x						01 bố trí làm Công chức TP-HT ở đơn vị hành chính cấp xã khác; 01 tạm thời bố trí tại đơn vị hành chính mới trong vòng 5 năm sẽ bố trí sang đơn vị hành chính xã khác còn thiếu (ngay khi có vị trí trống)
5	Địa chính-Xây dựng	02	x						01 Bố trí làm Công chức ĐC-XD ở đơn vị hành chính cấp xã khác; 01 chuyển làm công chức của phòng chuyên môn của thành phố
6	Tài chính-Kế toán	01	x						Bố trí làm Công chức Tài chính-Kế toán ở đơn vị hành chính cấp xã khác
	Tổng số	10							

* Như vậy, có 08 trường hợp bố trí, sắp xếp sang các đơn vị hành chính cấp xã khác; 01 trường hợp điều động về thành phố Pleiku; 01 trường hợp tạm thời bố trí dôi dư tại vị trí cũ, sẽ sắp xếp trong vòng 05 năm sang đơn vị hành chính cấp xã khác có chỗ trống.

- Đối với người hoạt động không chuyên trách: dôi dư 14 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp, bố trí (trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBND)						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tổ chức Đảng	01	x						Giải quyết nghỉ việc trên cơ sở vận động, thuyết phục, đồng thuận (sẽ hưởng chính sách hỗ trợ khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tại địa phương)
2	PCT MTTQ	01	x						
3	PCT Hội CCB	01	x						
4	PCT Hội Nông dân	01	x						
5	PCT Hội LHPN	01	x						
6	PBT Đoàn TN	01	x						
7	CT Hội NCT	01	x						
8	Phó Trưởng CA	01	x						
9	CAV Thường trực	02	x						
10	Phó CHT Quân sự	01	x						
11	Dân tộc-Tôn giáo	01	x						
12	Thú y-Chăn nuôi	01	x						
13	Bảo vệ	01	x						
Tổng số		14							

* Có 14 trường hợp dôi dư giải quyết nghỉ việc trên cơ sở vận động, thuyết phục, đồng thuận.

b) Đối với huyện Chư Păh:

- Đối với cán bộ: dôi dư 10 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp, bố trí (trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBND)						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bí thư Đảng ủy, kiêm Chủ tịch HĐND	02	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP
									Cho nghỉ việc theo quy định, do chưa đảm bảo trình độ học vấn, chuyên môn
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP
3	Phó Chủ tịch HĐND	01	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
4	Phó Chủ tịch UBND	01	x						Cho nghỉ việc theo quy định, do chưa đảm bảo trình độ học vấn, chuyên môn
5	Chủ tịch MTTQ	01	x						Chuyển xuống làm Phó xã mới
6	Chủ tịch Hội CCB	01	x						Chuyển xuống làm Phó xã mới
7	Chủ tịch Hội ND	01	x						Chuyển xuống làm Phó xã mới
8	CT Hội LHPN	01	x						Chuyển xuống làm Phó xã mới
9	Bí thư Đoàn TN	01	x						Chuyển xuống làm Phó xã mới
Tổng		10							

* Như vậy có 05 trường hợp giải quyết nghỉ việc theo chế độ; 05 trường hợp thôi làm cán bộ Mặt trận, đoàn thể chuyển xuống làm cấp phó tại xã mới (người hoạt động không chuyên trách).

- Đối với công chức: dôi dư là 08 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí (trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBTVQH)						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Trưởng Công an	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
2	Chỉ huy Trưởng Quân sự	01	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
3	Văn phòng-Thống kê	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
4	Văn hóa -Xã hội	01	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
5	Tư pháp-Hộ tịch	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
Tổng cộng		08							

* Như vậy, có 08 trường hợp sắp xếp, bố trí sang đơn vị cấp xã khác còn thiếu các chức danh tương ứng, gồm: 02 trường hợp Trưởng Công an xã (áp dụng đối với vị trí công tác có tính tổng hợp, không yêu cầu chuyên môn sâu như Tài chính-Kế toán, Địa chính-Xây dựng, Tư pháp,...); 06 trường hợp bố trí công tác sang các đơn vị xã khác tương ứng với vị trí công chức đang làm việc.

- Đối với những người hoạt động không chuyên trách: dôi dư 17 người, hướng bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí (trong phạm vi 05 năm kể từ khi có Nghị quyết của UBTVQH)						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	PCT MTTQ	02	x						Giải quyết nghỉ việc, trên cơ sở vận động, thuyết phục, đồng thuận (sẽ hưởng chính sách, hỗ trợ khi HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết tại địa phương)
2	PCT Hội CCB	02	x						
3	Phó Chủ tịch HND	02	x						
4	PCT Hội LHPN	02	x						
5	PBT Đoàn TN	02	x						
6	CT Hội Chữ thập đỏ	01	x						
7	Chủ tịch hội NCT	01	x						
8	Phó CHT Quân sự	01	x						
9	Dân tộc-Tôn giáo	01	x						
10	Thú y -Chăn nuôi	02	x						
11	Phụ trách Đài truyền thanh	01	x						
Tổng cộng		17							

* Có 17 trường hợp dôi dư, lý do: ngoài 12 chức danh đang bố trí bị dôi dư phải xử lý; có thêm 05 chức danh Phó của Mặt trận, đoàn thể xã bị cán bộ giữ chức vụ Trưởng của Mặt trận, đoàn thể xã thay thế ở đơn vị hành chính xã mới.

4. Phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp:

4.1. Đối với cấp xã sáp nhập thuộc thành phố Pleiku

a) Đối với Trạm y tế:

Stt	Về bố trí nhân lực: Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Chuyên môn
I. Thực trạng trước khi sắp xếp:			
1. Trạm Y tế xã Chư Hdrông			
1	Phó Trưởng Trạm quản lý chung	01	Y sỹ Đa khoa
2	Điều dưỡng chăm sóc bệnh nhân	01	Điều dưỡng Trung học
3	Nữ hộ sinh thực hiện chăm sóc SKSS	01	Nữ hộ sinh Trung học
4	Viên chức thực hiện cấp phát thuốc	01	Dược sỹ Trung học
5	Viên chức thực hiện công tác dân số	01	Trung cấp Kế toán – Tài chính
	Tổng	05	
2. Trạm Y tế phường Chi Lăng			
1	Phó Trưởng Trạm quản lý chung	01	Y sỹ Đa khoa
2	Y sỹ khám, điều trị và các chương trình y tế	01	Y sỹ
3	Điều dưỡng thực hiện chăm sóc bệnh nhân và các chương trình y tế	01	Điều dưỡng Trung học
4	Nữ hộ sinh thực hiện chăm sóc SKSS	01	Nữ hộ sinh Trung học
5	Viên chức thực hiện cấp phát thuốc	01	Dược sỹ Trung học
6	Viên chức thực hiện công tác dân số	01	Nữ hộ sinh Trung học
	Tổng	06	
II. Phương án bố trí			
1. Trạm Y tế phường Chi Lăng (mới)			
1	Phó Trưởng Trạm quản lý chung	01	Y sỹ Đa khoa
2	Y sỹ khám, điều trị và các chương trình y tế	01	Y sỹ Đa khoa
3	Nữ hộ sinh thực hiện chăm sóc SKSS	01	Nữ hộ sinh Trung học
4	Viên chức thực hiện cấp phát thuốc	01	Dược sỹ Trung học
5	Viên chức thực hiện công tác dân số	01	Trung cấp Kế toán – Tài chính
6	Điều dưỡng chăm sóc bệnh nhân	01	Điều dưỡng Trung học
	Tổng số	06	
2. Xử lý dôi dư sau sắp xếp			
1	Phó Trưởng Trạm quản lý chung	01	Bố trí Y Sỹ, Phó Trạm Y tế phường Ia King, thành phố Pleiku trong năm 2019 sau khi có Nghị quyết của UBND tỉnh.
2	Điều dưỡng thực hiện chăm sóc bệnh nhân và các chương trình y tế	01	Bố trí Khoa khám bệnh Trung tâm Y tế thành phố Pleiku trong năm 2019 (sau khi có Nghị quyết của UBND tỉnh).
3	Nữ hộ sinh thực hiện chăm sóc sức khỏe sinh sản	01	Bố trí Khoa Chăm sóc sức khỏe sinh sản, Trung tâm Y tế thành phố Pleiku trong năm 2019 (sau khi có Nghị quyết của UBND tỉnh).
4	Viên chức thực hiện cấp phát thuốc	01	Bố trí Dược sỹ Trạm Y tế xã Trà Đa, thành phố Pleiku trong năm 2019 (sau khi có Nghị quyết của UBND tỉnh).
5	Viên chức thực hiện công tác dân số	01	Bố trí Nữ hộ sinh, Trạm Y tế xã An Phú, thành phố Pleiku trong năm 2019 (sau khi có Nghị quyết của UBND tỉnh).
	Tổng số	05	

- Trụ sở bố trí: Tại Trạm Y tế Phường Chi Lăng (cũ).
- Phương tiện, trang thiết bị: Chuyển về Trung tâm Y tế thành phố để phục vụ công tác khám chữa bệnh, sử dụng trang thiết bị có hiệu quả.

- Cơ sở vật chất dồi dư: Trạm Y tế xã Chư HDrông (cũ) nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã Chư HDrông (cũ) sẽ thực hiện bàn giao, chuyển thành Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao cho sinh hoạt cộng đồng của phường mới.

b) Đối với các Trường học

Các trường học trên địa bàn: Giữ nguyên hiện trạng 03 trường, cụ thể như sau: Trường mầm non Hướng Dương (phường Chi Lăng cũ); Trường tiểu học Ngô Quyền (phường Chi Lăng cũ); Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt (xã Chư HDrông cũ).

Lý do: Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học, Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường tiểu học; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Văn bản số 3712/BGDĐT-CSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24/8/2018 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 23/5/2018 của UBND thành phố về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố Pleiku giai đoạn 2018-2020. Sau khi xem xét các tiêu chí và điều kiện: ⁽¹⁾ Số lượng học sinh dự kiến tuyển sinh năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo; ⁽²⁾ khoảng cách địa lý giữa các điểm trường (đảm bảo độ dài đường đi của học sinh đến trường không quá 500m); ⁽³⁾ sự phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của thành phố; ⁽⁴⁾ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội của phường mới thành lập sau sáp nhập; ⁽⁵⁾ đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính mới vẫn ổn định tổ chức 03 trường học trên địa bàn như hiện nay, không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học. Việc sắp xếp giảm các trường học và tinh giản biên chế viên chức giáo viên của thành phố Pleiku đảm bảo theo kế hoạch của Tỉnh ủy và UBND tỉnh giai đoạn 2016-2020.

4.2. Đối với cấp xã thuộc huyện Chư Păh thực hiện sáp nhập:

a) Đối với Trạm y tế:

Stt	Về bố trí nhân lực: Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Chuyên môn
I. Thực trạng trước khi sắp xếp:			
1. Trạm Y tế xã Chư Jôr			
1	Nữ hộ sinh – Phó phụ trách trạm	01	Trung cấp Nữ hộ sinh
2	Bác sỹ-khám, điều trị các chương trình y tế	01	Bác sỹ Đa khoa
3	Y sỹ - khám, điều trị các chương trình y tế	01	Trung cấp Y sỹ đa khoa
4	Điều dưỡng-Chăm sóc bệnh nhân	01	Trung cấp điều dưỡng
5	Điều dưỡng-viên chức thực hiện công tác dân số	01	Trung cấp điều dưỡng
	Tổng	05	
2. Trạm Y tế xã Chư Đang Ya			
1	Y sỹ- khám, điều trị - Phụ trách Trạm Y tế	01	Trung cấp Y sỹ
2	Bác sỹ- khám, điều trị các chương trình y tế	01	Bác sỹ Đa khoa
3	Nữ hộ sinh-Chăm sóc SKSS	01	Trung cấp Nữ hộ sinh
4	Nữ hộ sinh –Chăm sóc SKSS	01	Trung cấp Nữ hộ sinh
5	Điều dưỡng-Chăm sóc bệnh nhân	01	Trung cấp Điều dưỡng
6	Điều dưỡng-viên chức thực hiện công tác dân số	01	Trung cấp điều dưỡng
	Tổng	06	

Stt	Về bố trí nhân lực: Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Chuyên môn
II. Phương án bố trí			
1. Trạm Y tế xã Chư Đang Ya (mới)			
1	Y sỹ- khám, điều trị- Phụ trách Trạm Y tế	01	Trung cấp Y sỹ
2	Bác sỹ- khám, điều trị các chương trình y tế	01	Bác sỹ Đa khoa
3	Nữ hộ sinh- chăm sóc SKSS	02	Trung cấp Nữ hộ sinh
4	Điều dưỡng – chăm sóc bệnh nhân	02	Trung cấp Điều dưỡng
5	Điều dưỡng -viên chức thực hiện công tác dân số	01	Trung cấp Điều dưỡng
	Tổng cộng	07	
2. Xử lý dôi dư sau sắp xếp			
1	Trung cấp Nữ hộ sinh	01	Chuyển về Trạm y tế xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Păh, trong năm 2020
2	Bác sỹ Đa khoa	01	Bổ trí về Trung tâm y tế huyện Chư Păh, trong năm 2020
3	Trung cấp Y sỹ đa khoa	01	Chuyển về Trạm y tế xã Hòa Phú, huyện Chư Păh, trong năm 2020
4	Viên chức thực hiện công tác dân số	01	Chuyển về khoa KSBT HIV/AIDS tỉnh, trong năm 2020
	Tổng cộng	04	

- Trụ sở bố trí: Trạm Y tế xã Chư Đang Ya (cũ).
- Phương tiện, trang thiết bị: Chuyển về Trung tâm Y tế huyện để phục vụ công tác khám chữa bệnh, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.
- Cơ sở vật chất dôi dư: Trạm Y tế xã Chư Jôr (cũ) sẽ thực hiện bàn giao cho đơn vị hành chính xã mới, chuyển thành Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao cho sinh hoạt cộng đồng của xã mới.

b) Đối với Trường học:

Hiện trạng trước khi sắp xếp			Sau khi thực hiện sắp xếp			
Stt	Chức danh	Số lượng	Stt	Chức danh	Số lượng	Ghi chú
			A	Phương án bố trí		
I	Trường TH &THCS Chư Jôr		I	Trường TH &THCS Chư Đang Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Đổi tên trường, giảm 02 giáo viên
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	17	3	Giáo viên	15	
4	Thư viện	01	4	Thư viện	01	
5	Bảo vệ	01	5	Bảo vệ	01	
II	Trường Mầm Non Chư Đang Ya		II	Trường Mầm Non Chư Đang Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Giữ nguyên trường, tăng 02 giáo viên
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	07	3	Giáo viên	09	
4	Bảo vệ	01	4	Bảo vệ	01	
III	Trường Tiểu học Chư Đang Ya		III	Trường TH&THCS Chư Đang Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Sáp nhập 02 trường, giảm 05 giáo viên (01 hiệu trưởng, 03 giáo viên, 01 thư viện)
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	15	3	Giáo viên	23	
4	Kế toán	01	4	Thư viện	01	
5	Thư viện	01	5	Kế toán	01	
6	Bảo vệ	01	6	Bảo vệ	02	
IV	Trường THCS Chư Đang Ya		Tổng (I+II+III)		60	

1	Hiệu trưởng	01	B	Phương án sắp xếp dôi dư		
2	Giáo viên	11	1	Hiệu trưởng	01	Giải quyết chế độ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
3	Thư viện	01	2	Giáo viên	03	Điều động về Trường THCS Đắk Tô Ver
4	Bảo vệ	01	3			Điều về Trường Tiểu học Đắk Tô Ver
	Tổng (I+II+III+IV)	65	4			Giải quyết chế độ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
			5	Thư viện	01	Dự kiến sắp xếp, bố trí sau sáp nhập (bố trí phụ trách thiết bị trường học Trường TH&THCS xã Chư Đăng Ya), theo quy định cho phép xử lý trong 05 năm
				Tổng cộng	05	

** Qua sắp xếp trường học (gồm đổi tên 01 trường, sáp nhập 02 trường thành 01 trường mới) đã giảm 01 cán bộ quản lý, 01 giáo viên; bố trí sang trường khác là 02 giáo viên; còn 01 nhân viên thư viện bố trí phụ trách thiết bị trường học tại trường mới sau sáp nhập (giải quyết trong vòng 05 năm theo quy định).*

5. Phương án bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản dôi dư sau khi sắp xếp:

Không đầu tư xây dựng mới, cải tạo, sửa chữa công sở, trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức tại các đơn vị hành chính cấp xã thuộc phạm vi sắp xếp (trừ các công trình đã triển khai thực hiện). Rà soát, phân loại và quyết định giữ lại hoặc điều chuyển những tài sản hiện hữu theo mục đích sử dụng và quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công: ⁽¹⁾Tài sản phục vụ trực tiếp cho hoạt động và nhiệm vụ chuyên môn của xã, phường mới; ⁽²⁾Tài sản phục vụ cho nhiệm vụ và hoạt động của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao, Trung tâm sinh hoạt cộng đồng tại xã, phường mới; ⁽³⁾Tài sản dôi dư còn lại để điều chuyển cho các xã, phường, đơn vị khác có nhu cầu sử dụng hoặc xử lý theo quy định; ⁽⁴⁾Đảm bảo sử dụng tất cả cơ sở vật chất phục vụ công việc tại địa phương, tạo thuận lợi giao dịch hành chính của nhân dân.

6. Chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới hành chính ở tỉnh Gia Lai:

- Các Sở ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tại những đơn vị hành chính hình thành sau khi sắp xếp, sáp nhập chủ động triển khai, hướng dẫn cho các cá nhân, tổ chức về thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan do thay đổi địa giới đơn vị hành chính chính; tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức thực hiện thủ tục hành chính tại đơn vị hành chính mới; khi giải quyết các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ không thu các loại phí, lệ phí theo quy định. Trường hợp cá nhân, tổ chức chưa chuyển đổi thì các loại giấy tờ đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đây theo đơn vị hành chính cũ, nếu chưa hết thời hạn theo quy định vẫn được tiếp tục sử dụng.

- Việc chuyển đổi giấy tờ được tiến hành ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính có hiệu lực thi hành; bảo đảm công khai trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của tỉnh, huyện, xã; niêm yết tại trụ sở UBND cấp huyện, cấp xã, các điểm sinh hoạt cộng đồng; thông báo đến các thôn, tổ dân phố và tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi giấy tờ.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐVHC CẤP XÃ

1. Sở Nội vụ.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan, địa phương có liên quan giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Đề án này trong giai đoạn 2019-2021, đảm bảo chất lượng và tiến độ, nội dung công việc theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành có liên quan kịp thời hướng dẫn, giải đáp theo thẩm quyền nhằm tháo gỡ vướng mắc, khó khăn của các địa phương khi thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo Đề án này.

- Chủ trì tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật; hoàn thiện hồ sơ trình Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương tổ chức thực hiện có hiệu quả sau khi có Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Theo dõi, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã về: tổ chức bộ máy; bố trí, sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách; thực hiện tinh giản biên chế; giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, địa phương đối với những trường hợp dôi dư do phải nghỉ việc.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, xây dựng, đề xuất chính sách hỗ trợ của địa phương đối với cán bộ, công chức, viên chức và người hoạt động không chuyên trách dôi dư phải nghỉ việc khi thực hiện sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính.

- Phối hợp với các cơ quan, ban, ngành và địa phương có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% về 02 tiêu chuẩn quy mô dân số và diện tích tự nhiên trong giai đoạn 2019-2021 theo quy định và hướng dẫn của Trung ương.

2. Sở Tài chính.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương có liên quan lập dự toán, phân bổ, sử dụng và quyết toán kinh phí trong việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

- Phối hợp với Sở Nội vụ có hướng dẫn về kinh phí thực hiện Đề án này gồm: Tổ chức tuyên truyền, vận động về sắp xếp đơn vị hành chính; xây dựng phương án, đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức lấy ý kiến cử tri về phương án, đề án sáp nhập để thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính; đánh giá tác động của việc sắp xếp đơn vị hành chính. Chủ trì đề xuất nguồn kinh phí giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách dôi dư phải nghỉ việc do sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời chủ trì, hướng dẫn UBND thành phố Pleiku, UBND huyện Chư Păh về lĩnh vực chuyên môn phụ trách đối với công tác quản lý tài chính Nhà nước tại các đơn vị hành chính mới (sau khi sáp nhập).

- Trong trường hợp sau khi đã sử dụng nguồn kinh phí thường xuyên ngân sách nhà nước được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách của đơn vị hành chính cấp xã thực hiện việc sắp xếp, nếu vẫn còn khó khăn thì tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản đề xuất gửi Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chính phủ xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

- Chủ trì đánh giá, tổng kết nội dung kinh phí thực hiện sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính ở tỉnh Gia Lai để rút kinh nghiệm thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

3. Văn phòng UBND tỉnh:

- Chủ trì phối hợp với các Sở ngành, cơ quan, UBND cấp huyện có liên quan rà soát, đánh giá, thống kê đầy đủ, hệ thống các thủ tục hành chính phải thực hiện thay đổi do sáp nhập, thành lập ĐVHC cấp xã mới.

- Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra các Sở ngành, cơ quan, địa phương có liên quan về việc thực hiện quy trình, thủ tục hành chính chuyển đổi các loại giấy tờ do thay đổi đơn vị hành chính và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân khi giải quyết các thủ tục liên quan; không thu các loại phí, lệ phí theo quy định. Thực hiện tốt công tác thông tin, truyền thông nhằm công khai, minh bạch các loại thủ tục hành chính phải thay đổi để tổ chức, cá nhân và nhân dân biết, thực hiện theo quy định.

- Chủ trì đánh giá, tổng kết nội dung chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới hành chính ở tỉnh Gia Lai để rút kinh nghiệm thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

4. Sở Xây dựng: Hướng dẫn lập, thẩm định, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt quy hoạch đô thị, phân loại đô thị, đảm bảo tiêu chuẩn đối với việc thành lập đơn vị hành chính đô thị theo quy định.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm cung cấp số liệu diện tích tự nhiên của các ĐVHC cấp huyện, cấp xã theo số liệu kiểm kê đất đai của năm gần nhất (do cơ quan có thẩm quyền công bố). Hướng dẫn UBND thành phố Pleiku, UBND huyện Chư Păh công tác quản lý nhà nước về đất đai theo quy định tại đơn vị hành chính mới (sau sáp nhập).

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Tham mưu, đề xuất, hướng dẫn công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực phụ trách tại đơn vị hành chính mới; đảm bảo liên tục, hiệu quả.

7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Gia Lai phối hợp với Ủy MTTQ Việt Nam và các Đoàn thể tỉnh: Tiếp tục tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị; các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch của UBND tỉnh về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh; qua đó nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tạo sự đồng thuận của cán bộ, công chức, viên chức, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong quá trình thực hiện sáp nhập các đơn vị hành chính.

8. Công an tỉnh: Chủ trì chỉ đạo, hướng dẫn Công an cấp huyện có liên quan phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và UBND cấp xã đảm bảo công tác an ninh, trật tự xã hội tại địa bàn trong quá trình trước, trong và sau khi triển khai thực hiện sáp nhập; nắm bắt tình hình, diễn biến tư tưởng, có phương án đảm bảo an ninh, trật tự trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri, thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính.

9. Cục Thống kê tỉnh: Chịu trách nhiệm cung cấp số liệu dân số bình quân của ĐVHC cấp huyện, cấp xã hằng năm theo quy định (do Tổng cục Thống kê công bố).

10. Các sở, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, hướng dẫn UBND thành phố Pleiku, UBND huyện Chư Păh về công tác quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực phụ trách đối với đơn vị hành chính mới. Rà soát các quy định pháp luật liên quan đến ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý để tham mưu cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới bảo đảm tạo thuận lợi cho việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính.

11. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Căn cứ quy định phân cấp quản lý cán bộ, chủ trì hướng dẫn tạm dừng việc bầu, bổ nhiệm mới cán bộ lãnh đạo, quản lý đối với đơn vị hành chính cấp xã thực hiện Đề án này.

- Hướng dẫn rà soát, đánh giá, lựa chọn, bố trí, sắp xếp cán bộ tại đơn vị hành chính cấp xã bị sắp xếp, sáp nhập; đảm bảo dân chủ, khách quan, minh bạch, lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhiệm công việc tại đơn vị hành chính mới, nhất là các chức danh cán bộ chủ chốt, người đứng đầu địa phương.

12. Đề nghị Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy:

- Chủ trì, phối hợp, hướng dẫn các ngành liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động về công tác sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã; qua đó tạo sự thống nhất cao trong tổ chức bộ máy hệ thống chính trị và sự đồng thuận trong xã hội.

- Chỉ đạo, thực hiện đấu tranh kịp thời, hiệu quả đối với những luận điệu của các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính để xuyên tạc, phá hoại, gây mất đoàn kết nội bộ, cản trở việc thực sắp xếp đơn vị hành chính.

13. Đề nghị Ban Dân vận Tỉnh ủy:

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, vận động về công tác sắp xếp đơn vị hành chính nhằm thống nhất nhận thức và hành động trong các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân.

- Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội tuyên truyền, vận động tổ chức, hội viên tạo sự đồng thuận trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính.

14. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội tỉnh:

- Hướng dẫn tuyên truyền cho Hội viên và vận động nhân dân hưởng ứng việc sáp nhập thành lập đơn vị hành chính mới theo chủ trương của Đảng, Nhà nước.

- Lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động nhằm tạo đồng thuận cao trong xã hội về việc thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính của tỉnh.

- Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn quy trình, thủ tục kiện toàn tổ chức bộ máy, bố trí, sắp xếp lại cán bộ, công chức thuộc khối Mặt trận, đoàn thể do sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính theo quy định.

15. Đề nghị Ban Thường vụ Thành ủy Pleiku, Huyện ủy Chư Păh:

- Chỉ đạo triển khai công tác sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo Đề án này.

- Theo thẩm quyền phân cấp, chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy, đánh giá phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại các cơ quan, đơn vị hành chính cấp xã sau sáp nhập; bảo đảm lựa chọn người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mới; xác định số lượng cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư và có phương án xử lý theo quy định; đảm bảo chậm nhất sau 05 năm (kể từ khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập, hợp nhất đơn vị hành chính) thì biên chế, số lượng người và số lượng cấp phó của đơn vị hành chính mới phải theo đúng quy định.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo làm tốt công tác tuyên truyền, vận động theo thẩm quyền để tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động trong cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc.

- Căn cứ hướng dẫn của cấp trên, chỉ đạo triển khai, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ do thay đổi địa giới hành chính và không thu phí, lệ phí theo quy định.

16. Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku, Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh:

- Phối hợp chặt chẽ với Sở Nội vụ nhằm thực hiện các quy trình, thủ tục, trình tự, hồ sơ, đề án sắp nhập đơn vị hành chính cấp xã theo quy định.

- Chỉ đạo, hướng dẫn lập, niêm yết danh sách cử tri theo quy định; xây dựng đề án chi tiết đối với từng xã; đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức lấy ý kiến cử tri và thực hiện các bước công việc theo đúng lộ trình, nội dung, yêu cầu. Đăng tải tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri theo quy định trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri. Đề xuất Hội đồng nhân dân cấp huyện thông qua Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC theo quy định; hoàn thiện các tài liệu, hồ sơ và các công việc liên quan khi sắp xếp các đơn vị hành chính trên địa bàn để báo cáo, trình cấp có thẩm quyền.

- Phối hợp, đề xuất với cấp có thẩm quyền về phương án bố trí, sắp xếp với cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị cấp xã sáp nhập theo quy định.

- Tổ chức thực hiện kịp thời chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, những người hưởng phụ cấp từ ngân sách nhà nước do sáp nhập các ĐVHC (sau khi có quy định của cơ quan có thẩm quyền).

- Tổ chức thực hiện bàn giao, sử dụng các trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, tài sản, tài chính của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sáp nhập, hợp nhất tại đơn vị hành chính cấp xã sau khi sắp xếp; bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát đất đai, tài sản, tài chính... khi đưa vào khai thác, sử dụng.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện các chính sách đặc thù tại đơn vị hành chính mới theo quy định tại Nghị quyết số 32/NQ-CP của Chính phủ cho đến ngày 31/12/2021. Trong thời gian này phối hợp với các cơ quan có liên quan để rà soát, đánh giá, đề xuất với UBND tỉnh báo cáo Trung ương xem xét, xác định các chính sách đặc thù cho đơn vị hành chính mới kể từ ngày 01/01/2022.

- Chỉ đạo chính quyền ĐVHC cấp xã mới đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, xây dựng chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp các dịch vụ công; cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

- Chỉ đạo, hướng dẫn chính quyền ĐVHC cấp xã mới khẩn trương rà soát thực hiện các quy trình để trình cấp có thẩm quyền về phân loại ĐVHC mới (chậm nhất trong tháng 10/2019); thực hiện quy trình, thủ tục thay đổi thông tin hoạt động của chính quyền tại đơn vị hành chính mới theo đúng quy định.

- Chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra chính quyền ĐVHC mới về công tác triển khai, hướng dẫn cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan do thay đổi ĐVHC. Việc chuyển đổi các loại giấy tờ cần phải được thực hiện ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội có hiệu lực thi hành, bảo đảm công khai trên công thông tin điện tử, trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã, thông báo đến các thôn, tổ dân phố và tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện việc chuyển đổi.

- Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tổng kết việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021 ở tỉnh theo quy định.

17. Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan sắp xếp, sáp nhập ĐVHC:

- Triển khai thực hiện quán triệt, tuyên truyền, vận động đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân về chủ trương, đề án, phương án sáp nhập đơn vị hành chính; thực hiện các trình tự, thủ tục thuộc thẩm quyền đối với quy trình, hồ sơ đề án sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính trên địa bàn; báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời, đầy đủ theo quy định.

- Tổ chức thực hiện việc rà soát, lập danh sách cử tri và niêm yết, công khai danh sách cử tri khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền; tổ chức lấy ý kiến cử tri, tổng hợp ý kiến cử tri; đề xuất họp Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua Đề án sắp xếp, sáp nhập ĐVHC theo quy định; hoàn thiện các tài liệu, hồ sơ và các công việc liên quan khi sắp xếp các đơn vị hành chính trên địa bàn để báo cáo, trình cấp có thẩm quyền.

- Căn cứ thẩm quyền phân cấp và phương án sắp xếp, kiện toàn về tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính, tài sản, cơ sở vật chất, hồ sơ, tài liệu ... của cơ quan có thẩm quyền để chủ động tổ chức thực hiện ngay khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính có hiệu lực.

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định.

- Thực hiện việc rà soát, đánh giá loại đơn vị hành chính mới theo thời gian quy định để báo cáo UBND cấp huyện xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trước khi trình cơ quan có thẩm quyền quyết định loại đơn vị hành chính mới.

- Hướng dẫn, thông báo, tuyên truyền đến thôn, tổ dân phố kịp thời để tổ chức, cá nhân có liên quan biết việc chuyển đổi các loại giấy tờ do thay đổi đơn vị hành chính mới và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân thực hiện việc chuyển đổi giấy tờ theo quy định.

- Đối với đơn vị hành chính phường, sau khi sáp nhập chú ý triển khai rà soát, lập hồ sơ, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi các thôn, làng thành tổ dân phố theo quy định.

- Kiểm tra, rà soát, đánh giá báo cáo UBND cấp huyện xem xét, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thôn, xã đặc biệt khó khăn sau khi sáp nhập theo quy định của Trung ương.

- Kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp huyện xem xét xử lý những cá nhân, tổ chức làm trái chủ trương của Đảng, Nhà nước về sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính.

- Phối hợp với Sở Nội vụ, UBND cấp huyện tổ chức tổng kết việc sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2019-2021 ở tỉnh theo quy định.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận: Việc sắp xếp, sáp nhập xã Chư Jôr với xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh; sáp nhập xã Chư HDrông với phường Chi Lăng thuộc thành phố Pleiku trên địa bàn tỉnh Gia Lai là đảm bảo theo các quy định của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của địa phương. Đây là công việc mới, cần thực hiện có hiệu quả, thận trọng; nơi nào thuận lợi thì tổ chức thực hiện ngay; qua đó đánh giá, rút bài học kinh nghiệm để mở rộng thực hiện trong giai đoạn tiếp theo.

2. Kiến nghị:

- Đề nghị Ủy ban Thường vụ quốc hội xem xét, sửa đổi quy định về tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016, nhằm đảm bảo phù hợp giữa các vùng miền với các đặc điểm riêng khác nhau, như: Đối với ĐVHC đô thị thì mật độ dân số đông, diện tích nhỏ; ngược lại, đối với miền núi, vùng cao thì đơn vị hành chính thường có diện tích rộng, dân số thưa thớt, phân tán; do đó, cần rà soát, đánh giá để quy định tiêu chuẩn sát với thực tế.

- Đề nghị Bộ Nội vụ phối hợp với Bộ Tài chính nghiên cứu, sớm ban hành hướng dẫn về kinh phí thực hiện công tác sắp xếp các ĐVHC cấp huyện, cấp xã, cụ thể như: Các đầu công việc và nội dung chi; định mức chi; công tác thanh quyết toán; nguồn chi v.v... Đây là cơ sở để địa phương lập dự toán kinh phí đảm bảo thực hiện và thanh quyết toán theo quy định.

- Bộ Nội vụ nghiên cứu, quy định mức khung về chế độ, chính sách hỗ trợ cho các trường hợp giải quyết nghỉ việc do dôi dư khi sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính; từ đó tạo điều kiện cho các địa phương thống nhất tổ chức thực hiện. Tránh trường hợp, đối với những địa phương có điều kiện thuận lợi, nguồn thu ngân sách lớn thì sẽ có chính sách khuyến khích hấp dẫn hơn cho số người nghỉ việc do dôi dư; còn những địa phương khó khăn thì ngược lại, không đủ nguồn lực khuyến khích đối với các trường hợp nghỉ việc do dôi dư.

- Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi Điều 15 của Nghị định số 54/2018/NĐ-CP ngày 16/4/2018: Cần quy định rõ thời hiệu giải quyết xử lý, kiến nghị về kết quả lấy ý kiến cử tri. Bởi vì quy định hiện nay không có thời hiệu thì khi Hội đồng nhân dân các cấp đã ban hành Nghị quyết sắp xếp đơn vị hành chính (trên cơ sở kết quả lấy ý kiến cử tri) sẽ rất phức tạp nếu thực hiện lại quy trình này từ đầu trong trường hợp phải đính chính số liệu lấy ý kiến cử tri. Đề nghị Bộ Nội vụ nghiên cứu quy định rõ thời hiệu xử lý và khi hết thời hiệu thì không khiếu nại về kết quả lấy ý kiến cử tri.

Trên đây là Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã chưa đạt 50% tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2021. Kính trình Bộ Nội vụ, Chính phủ xem xét (có Phụ lục 1A, Phụ lục 2A, Phụ lục 2B, Phụ lục 4A-1, Phụ lục 4A-2 đính kèm).

Nơi nhận:

- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Nội vụ (báo cáo);
- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, Các PCT UBND tỉnh;
- BTCTU, BDVTU, BTGTU, UBKT TU;
- UBMTTQ và đoàn thể tỉnh;
- Các Sở ban ngành tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh;
- Báo Gia Lai;
- TT Huyện ủy Chư Păh, Thành ủy Pleiku;
- TT HĐND huyện Chư Păh, thành phố Pleiku;
- UBND huyện Chư Păh, thành phố Pleiku;
- Đảng ủy, HĐND, UBND phường Chi Lăng, các xã: Chư Hdrông, Chư Jôr, Chư Đang Ya;
- Lưu: VT, NC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Võ Ngọc Thành



THÔNG KÊ HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

(kèm theo Đề án số: 1745 /ĐA-UBND ngày 13 / 8 /2019 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc khu vực Miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Các Huyện							
1	Huyện Ia Grai	Miền núi	1,119.60	Đạt (chiếm 131,72%)	98,261	Đạt (chiếm 122,83%)	13 đơn vị (01 thị trấn và 12 xã)	
2	Huyện Đak Đoa	Miền núi	985.30	Đạt (chiếm 115,92%)	114,384	Đạt (chiếm 142,98%)	17 đơn vị (01 thị trấn và 16 xã)	
3	Huyện Chư Prông	Miền núi	1,693.91	Đạt (chiếm 199,28%)	113,757	Đạt (chiếm 142,20%)	20 đơn vị (01 thị trấn và 19 xã)	
4	Huyện Krông Pa	Miền núi	1,623.66	Đạt (chiếm 191,02%)	83,839	Đạt (chiếm 104,80%)	14 đơn vị (01 thị trấn và 13 xã)	
5	Huyện KBang	Miền núi	1,840.92	Đạt (chiếm 216,58%)	66,490	Không đạt (chiếm 83,11%)	14 đơn vị (01 thị trấn và 13 xã)	
6	Huyện Chư Păh	Miền núi	974.58	Đạt (chiếm 114,66%)	74,799	Không đạt (chiếm 93,50%)	15 đơn vị (02 thị trấn và 13 xã)	
7	Huyện Kông Chro	Miền núi	1,439.71	Đạt (chiếm 169,78%)	50,418	Không đạt (chiếm 63,02%)	14 đơn vị (01 thị trấn và 13 xã)	
8	Huyện Ia Pa	Miền núi	868.60	Đạt (chiếm 102,19%)	55,884	Không đạt (chiếm 69,86%)	09 đơn vị (09 xã)	
9	Huyện Mang Yang	Miền núi	1,127.18	Đạt (chiếm 132,61%)	67,799	Không đạt (chiếm 84,75%)	12 đơn vị (01 thị trấn và 11 xã)	
10	Huyện Chư Sê	Miền núi	641.04	Không đạt (chiếm 75,42%)	118,837	Đạt (chiếm 148,55%)	15 đơn vị (01 thị trấn và 14 xã)	
11	Huyện Phú Thiện	Miền núi	505.16	Không đạt (chiếm 59,43%)	79,080	Không đạt (chiếm 98,85%)	10 đơn vị (01 thị trấn và 09 xã)	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp huyện	Thuộc khu vực Miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Số đơn vị hành chính cấp xã trực thuộc	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Huyện Đak Pơ	Miền núi	502.53	Không đạt (chiếm 59,12%)	42,331	Không đạt (chiếm 52,91%)	08 đơn vị (01 thị trấn và 07 xã)	
13	Huyện Đức Cơ	Miền núi	721.86	Không đạt (chiếm 84,92%)	73,785	Không đạt (chiếm 92,23%)	10 đơn vị (01 thị trấn và 09 xã)	
14	Huyện Chư Pưh	Miền núi	718.92	Không đạt (chiếm 84,58%)	73,236	Không đạt (chiếm 91,55%)	09 đơn vị (01 thị trấn và 08 xã)	
II	Thành phố thuộc tỉnh							
15	Thành phố Pleiku	Miền núi	260.77	Đạt (chiếm 167,18%)	238,469	Đạt (chiếm 158,98%)	23 đơn vị (14 phường, 09 xã)	
III	Các Thị xã							
16	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	287.18	Đạt (chiếm 143,59%)	39,122	Không đạt, trên 50% (chiếm 78,24%)	08 đơn vị (04 phường, 04 xã)	Tại điểm b, khoản 2, Điều 31 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016, đô thị ở miền núi, vùng cao tiêu chuẩn quy mô dân số có thể thấp hơn nhưng phải đạt từ 50% trở lên. Như vậy $(39.122/50.000 = 78,24\%$ trên 50% quy định)
17	Thị xã An Khê	Miền núi	200.07	Đạt (chiếm 100,35%)	68,048	Không đạt (chiếm 68,05%)	11 đơn vị (06 phường, 05 xã)	

Danh sách này có 17 đơn vị hành chính cấp xã

- Số liệu về diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp tại văn bản số 1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019

- Số liệu về dân số do Cục Thống kê tỉnh cung cấp ngày 16/4/2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



THỐNG KÊ HIỆN TRẠNG CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ
(kèm theo Đề án số: 1745 /ĐA-UBND ngày 13 / 8 /2019 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đất tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Đơn vị hành chính xã							
1	Xã Đông	Huyện Kbang	Miền núi	37,6	75,20	5.626	112,52	
2	Xã Nghĩa An	Huyện Kbang	Miền núi	35,4	70,80	4.073	81,46	
3	Xã Đak Hlor	Huyện Kbang	Miền núi	19,55	39,10	2.557	51,14	
4	Xã Kông Bờ La	Huyện Kbang	Miền núi	40,87	81,74	3.111	62,22	
5	Xã Kông Long Khong	Huyện Kbang	Miền núi	38,33	76,66	4.535	90,70	
6	Xã Tơ Tung	Huyện Kbang	Miền núi	103,02	206,04	5.802	116,04	
7	Xã Lơ Ku	Huyện Kbang	Miền núi	142,14	284,28	3.246	64,92	
8	Xã Krong	Huyện Kbang	Miền núi	311,58	623,16	5.413	108,26	
9	Xã Đak Smar	Huyện Kbang	Miền núi	126,13	252,26	1.417	28,34	
10	Xã Sơ Pai	Huyện Kbang	Miền núi	114,85	229,70	5.311	106,22	
11	Xã Sơn Lang	Huyện Kbang	Miền núi	336,16	672,32	4.082	81,64	
12	Xã Đak Rong	Huyện Kbang	Miền núi	340,93	681,86	3.879	77,58	
13	Xã Kon Pne	Huyện Kbang	Miền núi	173,81	347,62	1.527	30,54	
14	Xã Ia Dêr	Huyện Ia Grai	Miền núi	61,69	123,38	9.100	182,00	
15	Xã Ia Hrung	Huyện Ia Grai	Miền núi	44,48	88,96	5.884	117,68	
16	Xã Ia Grăng	Huyện Ia Grai	Miền núi	101,12	202,24	8.850	177,00	
17	Xã Ia Bă	Huyện Ia Grai	Miền núi	109,23	218,46	5.908	118,16	
18	Xã Ia Yok	Huyện Ia Grai	Miền núi	25,64	51,28	8.953	179,06	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
19	Xã Ia Sao	Huyện Ia Grai	Miền núi	37,34	74,68	8.473	169,46	
20	Xã Ia Pếch	Huyện Ia Grai	Miền núi	92,52	185,04	4.544	90,88	
21	Xã Ia Tô	Huyện Ia Grai	Miền núi	79,24	158,48	11.049	220,98	
22	Xã Ia Chiă	Huyện Ia Grai	Miền núi	172,86	345,72	7.821	156,42	
23	Xã Ia Krăi	Huyện Ia Grai	Miền núi	63,55	127,10	3.983	79,66	
24	Xã Ia Khai	Huyện Ia Grai	Miền núi	165,04	330,08	3.480	69,60	
25	Xã Ia O	Huyện Ia Grai	Miền núi	137,39	274,78	9.209	184,18	
26	Xã Ia Khuol	Huyện Chư Păh	Miền núi	90,56	181,12	6.989	139,78	
27	Xã Ia Phí	Huyện Chư Păh	Miền núi	69,81	139,62	6.413	128,26	
28	Xã Ia Kreng	Huyện Chư Păh	Miền núi	111,49	222,98	1.789	35,78	
29	Xã Ia Mơ Nông	Huyện Chư Păh	Miền núi	52,19	104,38	3.768	75,36	
30	Xã Ia Ka	Huyện Chư Păh	Miền núi	114,21	228,42	7.163	143,26	
31	Xã Ia Nhin	Huyện Chư Păh	Miền núi	31,46	62,92	6.226	124,52	
32	Xã Nghĩa Hòa	Huyện Chư Păh	Miền núi	22,80	45,60	4.427	88,54	
33	Xã Nghĩa Hưng	Huyện Chư Păh	Miền núi	39,89	79,78	9.124	182,48	
34	Xã Chư Jôr	Huyện Chư Păh	Miền núi	11,82	23,64	1.106	22,12	
35	Xã Chư Đăng Ya	Huyện Chư Păh	Miền núi	42,37	84,74	2.472	49,44	
36	Xã Đăk Tơ Ver	Huyện Chư Păh	Miền núi	37,63	75,26	2.192	43,84	
37	Xã Hà Tây	Huyện Chư Păh	Miền núi	222,70	445,40	4.657	93,14	
38	Xã Hòa Phú	Huyện Chư Păh	Miền núi	55,84	111,68	6.217	124,34	
39	Xã Ia AKe	Huyện Phú Thiện	Miền núi	33,14	66,28	7.192	143,84	
40	Xã Ia Sol	Huyện Phú Thiện	Miền núi	120,69	241,38	9.058	181,16	

STT	Tên đơn vị hành chính	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
41	Xã Ia Pliat	Huyện Phú Thiện	Miền núi	91,50	183,00	8.188	163,76	
42	Xã Ia Hiao	Huyện Phú Thiện	Miền núi	66,78	133,56	7.814	156,28	
43	Xã Ayun Hạ	Huyện Phú Thiện	Miền núi	25,51	51,02	5.614	112,28	
44	Xã Ia Peng	Huyện Phú Thiện	Miền núi	21,27	42,54	5.436	108,72	
45	Xã Chư A Thai	Huyện Phú Thiện	Miền núi	75,27	150,54	4.694	93,88	
46	Xã Ia Yeng	Huyện Phú Thiện	Miền núi	37,24	74,48	5.443	108,86	
47	Xã Chroh Ponan	Huyện Phú Thiện	Miền núi	20,32	40,64	4.571	91,42	
48	Xã Hà Bầu	Huyện Đak Đoa	Miền núi	47,52	95,04	7.153	143,06	
49	Xã Nam Yang	Huyện Đak Đoa	Miền núi	15,47	30,94	7.030	140,60	
50	Xã ADọk	Huyện Đak Đoa	Miền núi	21,12	42,24	6.131	122,62	
51	Xã Hneng	Huyện Đak Đoa	Miền núi	34,16	68,32	3.117	62,34	
52	Xã Hà Đông	Huyện Đak Đoa	Miền núi	195,52	391,04	4.462	89,24	
53	Xã Đak Krong	Huyện Đak Đoa	Miền núi	32,75	65,50	5.695	113,90	
54	Xã Ia Pét	Huyện Đak Đoa	Miền núi	41,77	83,54	6.782	135,64	
55	Xã Kon Gang	Huyện Đak Đoa	Miền núi	63,46	126,92	3.523	70,46	
56	Xã Đak Smei	Huyện Đak Đoa	Miền núi	148,72	297,44	5.499	109,98	
57	Xã Ia Băng	Huyện Đak Đoa	Miền núi	53,35	106,70	11.691	233,82	
58	Xã Kdang	Huyện Đak Đoa	Miền núi	75,62	151,24	10.302	206,04	
59	Xã Hnol	Huyện Đak Đoa	Miền núi	47,14	94,28	3.447	68,94	
60	Xã Tân Bình	Huyện Đak Đoa	Miền núi	21,58	43,16	4.827	96,54	
61	Xã Glar	Huyện Đak Đoa	Miền núi	40,59	81,18	9.252	185,04	
62	Xã Trang	Huyện Đak Đoa	Miền núi	56,12	112,24	5.486	109,72	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
63	Xã Hải Yang	Huyện Đak Đoa	Miền núi	69,21	138,42	3.953	79,06	
64	Xã Ia Phìn	Huyện Chư Prông	Miền núi	42,1	84,20	6.603	132,06	
65	Xã Bàu Cạn	Huyện Chư Prông	Miền núi	33,76	67,52	5.844	116,88	
66	Xã Thăng Hưng	Huyện Chư Prông	Miền núi	38,65	77,30	6.296	125,92	
67	Xã Bình Giáo	Huyện Chư Prông	Miền núi	41,85	83,70	5.863	117,26	
68	Xã Ia Boong	Huyện Chư Prông	Miền núi	52,01	104,02	6.127	122,54	
69	Xã Ia Drang	Huyện Chư Prông	Miền núi	40,29	80,58	7.925	158,50	
70	Xã Ia O	Huyện Chư Prông	Miền núi	36,39	72,78	3.144	62,88	
71	Xã Ia Puch	Huyện Chư Prông	Miền núi	267,3	534,60	2.729	54,58	
72	Xã Ia Me	Huyện Chư Prông	Miền núi	107,67	215,34	5.800	116,00	
73	Xã Ia Tôr	Huyện Chư Prông	Miền núi	21,94	43,88	4.743	94,86	
74	Xã Ia Vê	Huyện Chư Prông	Miền núi	70,38	140,76	5.714	114,28	
75	Xã Ia Pia	Huyện Chư Prông	Miền núi	45,22	90,44	5.648	112,96	
76	Xã Ia Ga	Huyện Chư Prông	Miền núi	122,99	245,98	4.236	84,72	
77	Xã Ia Lâu	Huyện Chư Prông	Miền núi	120,88	241,76	9.276	185,52	
78	Xã Ia Pior	Huyện Chư Prông	Miền núi	94,13	188,26	9.315	186,30	
79	Xã Ia Mơ	Huyện Chư Prông	Miền núi	435,6	871,20	2.344	46,88	
80	Xã Ia Băng	Huyện Chư Prông	Miền núi	39,31	78,62	5.792	115,84	
81	Xã Ia Kly	Huyện Chư Prông	Miền núi	21,93	43,86	2.770	55,40	
82	Xã Ia Bang	Huyện Chư Prông	Miền núi	41,06	82,12	3.784	75,68	
83	Xã Đăk Tô Pang	Huyện Kông Chro	Miền núi	78,38	156,76	1.371	27,42	
84	Xã Chơ Long	Huyện Kông Chro	Miền núi	138,95	277,90	4.444	88,88	

STT	Tên đơn vị hành chính tập xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1		3	4	5	6	7	8	9
85	Xã Đăk Pô Phô	Huyện Kông Chro	Miền núi	56,13	112,26	2.216	44,32	
86	Xã Ya Ma	Huyện Kông Chro	Miền núi	44,613	89,23	2.122	42,44	
87	Xã Đăk Kơ Ning	Huyện Kông Chro	Miền núi	141,69	283,38	2.725	54,50	
88	Xã SRó	Huyện Kông Chro	Miền núi	202,2	404,40	3.946	78,92	
89	Xã Chư Krey	Huyện Kông Chro	Miền núi	107,19	214,38	2.865	57,30	
90	Xã Yang Trung	Huyện Kông Chro	Miền núi	44,1	88,20	2.389	47,78	
91	Xã An Trung	Huyện Kông Chro	Miền núi	88,4	176,80	5.111	102,22	
92	Xã Đăk Pling	Huyện Kông Chro	Miền núi	181,26	362,52	1.961	39,22	
93	Xã Yang Nam	Huyện Kông Chro	Miền núi	130,15	260,30	4.707	94,14	
94	Xã Kông Yang	Huyện Kông Chro	Miền núi	53,89	107,78	3.745	74,90	
95	Xã Đăk Song	Huyện Kông Chro	Miền núi	146,23	292,46	2.244	44,88	
96	Xã Kon Chiêng	Huyện Mang Yang	Miền núi	200,42	400,84	6.108	122,16	
97	Xã Đak Trôi	Huyện Mang Yang	Miền núi	73,09	146,18	2.763	55,26	
98	Xã Đak Djrăng	Huyện Mang Yang	Miền núi	50,47	100,94	5.797	115,94	
99	Xã Ayun	Huyện Mang Yang	Miền núi	89,66	179,32	8.291	165,82	
100	Xã Lơ Pang	Huyện Mang Yang	Miền núi	166,10	332,20	4.996	99,92	
101	Xã Hra	Huyện Mang Yang	Miền núi	181,02	362,04	8.316	166,32	
102	Xã Đăk Yă	Huyện Mang Yang	Miền núi	37,02	74,04	4.696	93,92	
103	Xã Đăk Jơ Ta	Huyện Mang Yang	Miền núi	112,59	225,18	2.804	56,08	
104	Xã Êr Ar	Huyện Mang Yang	Miền núi	89,47	178,94	4.212	84,24	
105	Xã Đak Ta Ley	Huyện Mang Yang	Miền núi	49,87	99,74	3.559	71,18	
106	Xã Kon Thup	Huyện Mang Yang	Miền núi	60,59	121,18	6.075	121,50	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
107	Xã Hà Tam	Huyện Đak Pơ	Miền núi	96,62	193,24	3.987	79,74	
108	Xã An Thành	Huyện Đak Pơ	Miền núi	43,39	86,78	2.891	57,82	
109	Xã Yang Bắc	Huyện Đak Pơ	Miền núi	62,30	124,60	4.377	87,54	
110	Xã Tân An	Huyện Đak Pơ	Miền núi	26,55	53,10	11.897	237,94	
111	Xã Cư An	Huyện Đak Pơ	Miền núi	36,91	73,82	6.832	136,64	
112	Xã Phú An	Huyện Đak Pơ	Miền núi	38,02	76,04	4.794	95,88	
113	Xã Ya Hội	Huyện Đak Pơ	Miền núi	177,72	355,44	2.645	52,90	
114	Xã Ia Lang	Huyện Đức Cơ	Miền núi	49,41	98,82	4.380	87,60	
115	Xã Ia Din	Huyện Đức Cơ	Miền núi	44,03	88,06	6.705	134,10	
116	Xã Ia Krêl	Huyện Đức Cơ	Miền núi	53,48	106,96	8.341	166,82	
117	Xã Ia Kriêng	Huyện Đức Cơ	Miền núi	109,21	218,42	5.308	106,16	
118	Xã Ia Dok	Huyện Đức Cơ	Miền núi	50,59	101,18	8.388	167,76	
119	Xã Ia Kla	Huyện Đức Cơ	Miền núi	49,95	99,90	7.341	146,82	
120	Xã Ia Pnôn	Huyện Đức Cơ	Miền núi	114,01	228,02	4.406	88,12	
121	Xã Ia Nan	Huyện Đức Cơ	Miền núi	90,31	180,62	7.647	152,94	
122	Xã Ia Dom	Huyện Đức Cơ	Miền núi	145,43	290,86	7.246	144,92	
123	Xã Ia Hrú	Huyện Chư Puh	Miền núi	39,52	79,04	9.435	188,70	
124	Xã Ia Phang	Huyện Chư Puh	Miền núi	126,60	253,20	10.330	206,60	
125	Xã Ia Le	Huyện Chư Puh	Miền núi	123,69	247,38	11.961	239,22	
126	Xã Ia BLứ	Huyện Chư Puh	Miền núi	193,20	386,40	7.227	144,54	
127	Xã Ia Hla	Huyện Chư Puh	Miền núi	132,01	264,02	5.242	104,84	
128	Xã Ia Dreng	Huyện Chư Puh	Miền núi	22,72	45,44	7.029	140,58	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
129	Xã Ia Rong	Huyện Chư Puh	Miền núi	23,339	46,68	6.225	124,50	
130	Xã Chư Đơn	Huyện Chư Puh	Miền núi	35,42	70,84	3.426	68,52	
131	Xã Phú Cản	Huyện Krông Pa	Miền núi	25,78	51,56	6.126	122,52	
132	Xã Chư Gu	Huyện Krông Pa	Miền núi	72,14	144,28	7.330	146,60	
133	Xã Chư RCắm	Huyện Krông Pa	Miền núi	205,32	410,64	6.248	124,96	
134	Xã Ia Rsai	Huyện Krông Pa	Miền núi	196,22	392,44	5.392	107,84	
135	Xã Ia Rsuom	Huyện Krông Pa	Miền núi	107,97	215,94	7.025	140,50	
136	Xã Uar	Huyện Krông Pa	Miền núi	145,91	291,82	4.748	94,96	
137	Xã Chư Drăng	Huyện Krông Pa	Miền núi	158,44	316,88	6.504	130,08	
138	Xã Ia Rmok	Huyện Krông Pa	Miền núi	144,01	288,02	6.160	123,20	
139	Xã Ia Dreh	Huyện Krông Pa	Miền núi	134,84	269,68	4.829	96,58	
140	Xã Krông Năng	Huyện Krông Pa	Miền núi	100,85	201,70	3.428	68,56	
141	Xã Chư Ngọc	Huyện Krông Pa	Miền núi	74,79	149,58	5.228	104,56	
142	Xã Ia Mlah	Huyện Krông Pa	Miền núi	110,30	220,60	4.171	83,42	
143	Xã Đất Bằng	Huyện Krông Pa	Miền núi	125,31	250,62	4.443	88,86	
144	Xã Ia HLốp	Huyện Chư Sê	Miền núi	42,66	85,32	9.435	188,70	
145	Xã Ia Blang	Huyện Chư Sê	Miền núi	20,21	40,42	9.779	195,58	
146	Xã Bờ Ngoong	Huyện Chư Sê	Miền núi	38,11	76,22	7.253	145,06	
147	Xã HBông	Huyện Chư Sê	Miền núi	156,22	312,44	7.761	155,22	
148	Xã Ia Tiêm	Huyện Chư Sê	Miền núi	48,21	96,42	9.097	181,94	
149	Xã Ia Glai	Huyện Chư Sê	Miền núi	35,19	70,38	5.793	115,86	
150	Xã AL Bá	Huyện Chư Sê	Miền núi	26,91	53,82	5.950	119,00	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
151	Xã AYun	Huyện Chư Sê	Miền núi	50,41	100,82	3.682	73,64	
152	Xã Dun	Huyện Chư Sê	Miền núi	19,57	39,14	4.398	87,96	
153	Xã Kông HTôk	Huyện Chư Sê	Miền núi	31,74	63,48	5.941	118,82	
154	Xã Ia Pal	Huyện Chư Sê	Miền núi	22,11	44,22	5.633	112,66	
155	Xã Ia Ko	Huyện Chư Sê	Miền núi	36,05	72,10	5.350	107,00	
156	Xã BarMăih	Huyện Chư Sê	Miền núi	47,72	95,44	5.959	119,18	
157	Xã Chư Pong	Huyện Chư Sê	Miền núi	38,06	76,12	4.224	84,48	
158	Xã Pờ Tô	Huyện Ia Pa	Miền núi	133,33	266,66	6.301	126,02	
159	Xã Chư Răng	Huyện Ia Pa	Miền núi	44,56	89,12	4.703	94,06	
160	Xã Kim Tân	Huyện Ia Pa	Miền núi	48,85	97,70	3.446	68,92	
161	Xã Ia Mron	Huyện Ia Pa	Miền núi	31,86	63,72	5.730	114,60	
162	Xã Ia Trok	Huyện Ia Pa	Miền núi	22,48	44,96	6.775	135,50	
163	Xã Ia Broăi	Huyện Ia Pa	Miền núi	27,13	54,26	10.006	200,12	
164	Xã Ia Tul	Huyện Ia Pa	Miền núi	267,42	534,84	4.162	83,24	
165	Xã Chư Mố	Huyện Ia Pa	Miền núi	178,94	357,88	11.447	228,94	
166	Xã Ia KDăm	Huyện Ia Pa	Miền núi	114,03	228,06	3.314	66,28	
167	Xã Biển Hồ	Thành phố Pleiku	Miền núi	20,19	40,38	8.384	167,68	
168	Xã Tân Sơn	Thành phố Pleiku	Miền núi	8,65	17,30	5.382	107,64	
169	Xã Trà Đa	Thành phố Pleiku	Miền núi	13,23	26,46	5.107	102,14	
170	Xã Chư Ắ	Thành phố Pleiku	Miền núi	14,48	28,96	9.212	184,24	
171	Xã An Phú	Thành phố Pleiku	Miền núi	11,16	22,32	10.319	206,38	
172	Xã Chư HDrông	Thành phố Pleiku	Miền núi	13,13	26,26	2.464	49,28	

STT	Tên đơn vị hành chính	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1		3	4	5	6	7	8	9
173	Xã Gáo	Thành phố Pleiku	Miền núi	57,96	115,92	4.146	82,92	
174	Xã Diên Phước	Thành phố Pleiku	Miền núi	16,53	33,06	3.232	64,64	
175	Xã Ia Kênh	Thành phố Pleiku	Miền núi	31,98	63,96	3.915	78,30	
176	Xã Chư Băh	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	70,96	141,92	3.916	78,32	
177	Xã Rbol	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	84,01	168,02	4.310	86,20	
178	Xã Ia Sao	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	82,30	164,60	3.816	76,32	
179	Xã Ia Rô	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	32,30	64,60	3.225	64,50	
180	Xã Cửu An	Thị xã An Khê	Miền núi	25,82	51,64	3.647	72,94	
181	Xã Song An	Thị xã An Khê	Miền núi	44,17	88,34	4.857	97,14	
182	Xã Thành An	Thị xã An Khê	Miền núi	22,49	44,98	4.897	97,94	
183	Xã Tú An	Thị xã An Khê	Miền núi	34,49	68,98	4.977	99,54	
184	Xã Xuân An	Thị xã An Khê	Miền núi	28,48	56,96	3.236	64,72	
II	Đơn vị hành chính thị trấn							
1	Thị trấn Kbang	Huyện Kbang	Miền núi	20,55	146,79	15.911	198,89	
2	Thị trấn Ia Kha	Huyện Ia Grai	Miền núi	29,49	210,64	11.007	137,59	
3	Thị trấn Phú Hòa	Huyện Chư Păh	Miền núi	24,94	178,14	5.521	69,01	
4	Thị trấn Ia Ly	Huyện Chư Păh	Miền núi	46,87	334,79	6.735	84,19	
5	Thị trấn Phú Thiện	Huyện Phú Thiện	Miền núi	13,44	96,00	21.070	263,38	
6	Thị trấn Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	Miền núi	21,20	151,43	16.034	200,43	
7	Thị trấn Chư Prông	Huyện Chư Prông	Miền núi	20,45	146,07	9.804	122,55	
8	Thị trấn Kông Chro	Huyện Kông Chro	Miền núi	26,53	189,50	10.572	132,15	
9	Thị trấn Kong Dong	Huyện Mang Yang	Miền núi	16,88	120,57	10.182	127,28	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
10	Thị trấn Đak Pơ	Huyện Đak Pơ	Miền núi	21,02	150,14	4.908	61,35	
11	Thị trấn Chư Ty	Huyện Đức Cơ	Miền núi	15,44	110,29	14.023	175,29	
12	Thị trấn Nhơn Hòa	Huyện Chư Pưh	Miền núi	22,42	160,14	12.361	154,51	
13	Thị trấn Phú Túc	Huyện Krông Pa	Miền núi	21,78	155,57	12.207	152,59	
14	Thị trấn Chư Sê	Huyện Chư Sê	Miền núi	27,87	199,07	28.582	357,28	
III	Đơn vị hành chính phường							
1	Phường Diên Hồng	Thành phố Pleiku	Miền núi	1,45	26,36	11.502	164,31	
2	Phường Ia Kring	Thành phố Pleiku	Miền núi	6,93	126,00	18.704	267,20	
3	Phường Yên Đỗ	Thành phố Pleiku	Miền núi	1,80	32,73	18.693	267,04	
4	Phường Tây Sơn	Thành phố Pleiku	Miền núi	1,56	28,36	10.002	142,89	
5	Phường Hoa Lư	Thành phố Pleiku	Miền núi	5,27	95,82	16.194	231,34	
6	Phường Hội Thương	Thành phố Pleiku	Miền núi	0,76	13,82	12.719	181,70	
7	Phường Hội Phú	Thành phố Pleiku	Miền núi	4,57	83,09	11.404	162,91	
8	Phường Trà Bá	Thành phố Pleiku	Miền núi	4,62	84,00	13.236	189,09	
9	Phường Thống Nhất	Thành phố Pleiku	Miền núi	6,03	109,64	11.160	159,43	
10	Phường Yên Thế	Thành phố Pleiku	Miền núi	12,87	234,00	19.966	285,23	
11	Phường Thắng Lợi	Thành phố Pleiku	Miền núi	6,85	124,55	11.369	162,41	
12	Phường Phù Đồng	Thành phố Pleiku	Miền núi	4,18	76,00	16.231	231,87	
13	Phường Chi Lăng	Thành phố Pleiku	Miền núi	12,54	228,00	8.012	114,46	
14	Phường Đồng Đa	Thành phố Pleiku	Miền núi	4,03	73,27	7.116	101,66	
15	Phường Sông Bờ	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	4,24	77,09	6.677	133,54	
16	Phường Đoàn Kết	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	3,72	67,64	8.082	161,64	

STT	Tên đơn vị hành chính cấp xã	Thuộc đơn vị hành chính cấp huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (Km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1		3	4	5	6	7	8	9
17	Phường Chèo Rèo	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	4,66	84,73	4.802	96,04	
18	Phường Hòa Bình	Thị xã Ayun Pa	Miền núi	4,99	90,73	4.294	85,88	
19	Phường Tây Sơn	Thị xã An Khê	Miền núi	3,23	58,73	11.479	229,58	
20	Phường Ngô Mây	Thị xã An Khê	Miền núi	10,28	186,91	5.295	105,90	
21	Phường An Phước	Thị xã An Khê	Miền núi	13,20	240,00	3.203	64,06	
22	Phường An Phú	Thị xã An Khê	Miền núi	4,01	72,91	13.671	273,42	
23	Phường An Tân	Thị xã An Khê	Miền núi	4,23	76,91	4.210	84,20	
24	Phường An Bình	Thị xã An Khê	Miền núi	9,67	175,82	8.576	171,52	

Tổng số đơn vị hành chính: 222 đơn vị hành chính cấp xã

- Số liệu về dân số do Cục Thống kê tỉnh cung cấp ngày 16/4/2019

Số liệu về diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp tại văn bản số

1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

THỐNG KÊ CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI CÓ 02 TIÊU CHUẨN VỀ DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ QUY MÔ DÂN SỐ ĐỀU CHƯA ĐẠT 50% THEO QUY ĐỊNH, THUỘC DIỆN PHẢI SẮP XẾP TRONG GIAI ĐOẠN 2019 - 2021

(kèm theo Đề án số: 1745/ĐA-UBND ngày 13 / 8 /2019 của UBND tỉnh Gia Lai)



STT	Tên đơn vị hành chính xã	Thuộc đơn vị hành chính huyện	Xã khu vực miền núi, vùng cao	Diện tích tự nhiên (km ²)	Diện tích đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Dân số trung bình năm (người)	Dân số đạt tỷ lệ (%) so với quy định	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Xã Chư Jôr	Huyện Chư Păh	Miền núi	11.82	23,64	1,106	22,12	
2	Xã Chư HDrông	Thành phố Pleiku	Miền núi	13.13	26,26	2,464	49,28	

Danh sách này có 02 đơn vị hành chính cấp xã

- Số liệu về dân số do Cục Thống kê tỉnh cung cấp ngày 16/4/2019
- Số liệu về diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp tại văn bản số 1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Phụ lục 4A-1

**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
XÃ CHƯ HDRÔNG THUỘC THÀNH PHỐ PLEIKU**

(Kèm theo Đề án số: 1445/ĐA-UBND ngày 13/12/2019 của UBND tỉnh Gia Lai)

PHẦN I

**HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP VÀ
CÁC ĐVHC CÙNG CẤP LIÊN KỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SẮP XẾP**

I. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP

- 1. Tên đơn vị hành chính:** Xã Chư HDRông.
- 2. Thuộc khu vực:** Miền núi.
- 3. Diện tích tự nhiên⁽¹⁾:** 13,13 km²
- 4. Dân số trung bình năm 2018⁽²⁾:** 2.464 người

Trong đó:

a) Dân số theo dân tộc: Kinh 1.697 người (chiếm 68,87%); Jrai 749 người (chiếm 30,39%); các dân tộc khác 18 người (chiếm 0,74%).

b) Dân số theo tôn giáo: Công giáo 51 người (chiếm 2,06%); Phật giáo 143 người (chiếm 5,8%); Tin lành 733 người (chiếm 29,74%); Cao đài 59 người (chiếm 2,39%).

5. Giáp ranh địa giới với các ĐVHC cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ia Băng thuộc huyện Đak Đoa; Phía Tây giáp xã Gào và xã Ia Kênh thuộc thành phố Pleiku; Phía Nam giáp xã Ia Băng thuộc huyện Đak Đoa và xã Ia Băng thuộc huyện Chư Prông; Phía Bắc giáp phường Chi Lăng thuộc thành phố Pleiku.

6. Hiện trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn: *Số cán bộ lãnh đạo quản lý 10 người; số chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức 21 người, hiện có mặt 17 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã 19 người, hiện có mặt 13 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố 12 người, hiện có 12 người.* Bao gồm:

a) Các cơ quan của Đảng: 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 09 Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy.

b) Các cơ quan chính quyền (HĐND, UBND):

- Hội đồng nhân dân: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND; Đại biểu Hội đồng nhân dân 25 người.

- Ủy ban nhân dân: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch. Ủy viên UBND 02 người.

- Công chức thuộc UBND: 10 người (01 Trưởng Công an xã, 01 Chỉ huy Trưởng Quân sự, 02 Văn phòng-Thống kê, 01 Tư pháp-Hộ tịch, 02 Văn hóa-Xã hội, 02 Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp-Môi trường, 01 Tài chính-Kế toán).

c) Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể:

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch MTTQ, 31 Ủy viên MTTQ.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội CCB, 04 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội Nông dân, 07 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội LHPN, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư Đoàn TN, 08 Ủy viên Ban Chấp hành.

d) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 13 người

⁽¹⁾ Số liệu về diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cung cấp tại văn bản số 1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019.

⁽²⁾ Số liệu về dân số do Cục Thống kê tỉnh Gia Lai cung cấp ngày 16/4/2019.

đ) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 12 người theo chức danh quy định của Trung ương (gồm: 04 thôn, làng).

II. CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SẮP XẾP

1. Tên đơn vị hành chính: Phường Chi Lăng.

2. Thuộc khu vực: Miền núi.

3. Diện tích tự nhiên: 12,54 km²

4. Dân số trung bình năm 2018: 8.012 người

Trong đó:

a) Dân số theo dân tộc: Kinh 6.684 người (chiếm 83,42%); Jrai 1.287 người (chiếm 16,06%); các dân tộc khác 41 người (chiếm 0,52%).

b) Dân số theo tôn giáo: Công giáo 254 người (chiếm 3,17%); Phật giáo 630 người (chiếm 7,86%); Tin lành 684 người (chiếm 8,54%); Cao đài 67 người (chiếm 0,84%).

5. Giáp ranh địa giới với các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp phường Thắng Lợi, xã Chư Ắ thuộc thành phố Pleiku, xã Ia Băng thuộc huyện Đak Đoa; Phía Tây giáp phường Hội Phú và xã Ia Kênh thuộc thành phố Pleiku; Phía Nam giáp xã Chư Hdrông thuộc thành phố Pleiku; Phía Bắc giáp phường Trà Bá thuộc thành phố Pleiku.

6. Hiện trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn: *Số cán bộ lãnh đạo quản lý 10 người; số chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức 23 người, hiện có mặt 20 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở phường 20 người, hiện có mặt 13 người; số người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố 15 người, hiện có 15 người.* Bao gồm:

a) Các cơ quan của Đảng: 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 13 Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy.

b) Các cơ quan chính quyền (HĐND, UBND) :

- Hội đồng nhân dân: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND; Đại biểu Hội đồng nhân dân 24 người.

- Ủy ban nhân dân: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch; Ủy viên UBND 02 người.

- Công chức thuộc UBND: 10 người (01 Chỉ huy Trưởng Quân sự, 01 Văn phòng – Thống kê, 02 Tư pháp – Hộ tịch, 02 Tài chính – Kế toán, 02 Văn hóa – Xã hội, 02 Địa chính – Xây dựng-Nông nghiệp – Môi trường).

c) Mặt trận và các tổ chức đoàn thể:

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch MTTQ, 31 Ủy viên MTTQ.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội CCB, 07 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội Nông dân, 11 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội LHPN, 08 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư Đoàn TN, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

d) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 13 người

đ) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 15 người bố trí các chức danh theo quy định của Trung ương (gồm: 05 thôn, tổ dân phố).

PHẦN II

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CƠ SỞ VÀ LÝ DO CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐVHC CẤP XÃ

Căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương về chỉ đạo sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn hoạt động hiệu lực, hiệu quả; trong giai đoạn 2019-2021 hoàn

thành sắp xếp đơn vị hành chính chưa đạt 50% cả hai tiêu chuẩn về diện tích đất tự nhiên và quy mô số. Qua rà soát trên địa bàn thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai có 01 đơn vị hành chính xã Chư HDrông thuộc trường hợp này; do đó, việc sáp nhập đơn vị hành chính xã Chư HDrông với phường Chi Lăng để thành lập đơn vị hành chính phường Chi Lăng (mới) là phù hợp với các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Phường Chi Lăng và xã Chư HDrông là 2 đơn vị hành chính liền kề, có cùng nguồn gốc hình thành; đồng thời, xã Chư HDrông cũng chịu tác động đô thị hóa của phường Chi Lăng nên trong những năm qua kinh tế - xã hội của xã có bước phát triển, đời sống nhân dân từng bước được nâng cao, hạ tầng kỹ thuật được đầu tư ngày một khang trang, hiện đại. Việc sáp nhập vào phường Chi Lăng là cần thiết để mở rộng phạm vi quản lý của chính quyền đô thị thay cho chính quyền nông thôn; đáp ứng yêu cầu quản lý đối với khu vực đang trong quá trình đô thị hóa.

Sau khi sáp nhập sẽ thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế; nâng cao chất lượng hoạt động, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người không chuyên trách; tăng cường hiệu lực, hiệu quả bộ máy nhà nước; tạo điều kiện giảm chi ngân sách nhà nước; dân số và diện tích phù hợp sẽ thuận lợi trong việc thu hút và kêu gọi đầu tư; thuận lợi trong công tác lập kế hoạch, quy hoạch dài hạn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội với các nguồn lực được tập trung để đầu tư hiệu quả, đảm bảo cho đơn vị hành chính mới trong thời gian tới phát triển toàn diện, bền vững.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Sắp xếp, sáp nhập nguyên trạng 02 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: Xã Chư HDrông (diện tích tự nhiên 13,13 km², dân số 2.464 người) với phường Chi Lăng (diện tích tự nhiên 12,54 km², dân số 8.012 người), cùng thuộc đơn vị hành chính thành phố Pleiku để thành lập đơn vị hành chính cấp xã mới.

2. Việc sắp xếp sẽ được thực hiện theo hình thức sắp xếp nguyên trạng các đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi sắp xếp, các đơn vị hành chính cấp xã cũ chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, tài sản, tài chính, trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực, các quyền và nghĩa vụ tài chính, quyền quản lý, điều hành thôn, tổ dân phố... cho đơn vị hành chính cấp xã mới để tiếp tục thực hiện, sử dụng, quản lý và điều hành.

III. KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên đơn vị ĐVHC mới sau sắp xếp: Phường Chi Lăng.

2. Thuộc khu vực: Miền núi.

3. Tổng diện tích tự nhiên của ĐVHC mới sau sắp xếp: Diện tích tự nhiên 25,67 km², đạt 466,73% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đạt và vượt quy định.

4. Dân số trung bình của ĐVHC mới sau sắp xếp: Dân số 10.476 người, đạt 149,66% so với tiêu chuẩn quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13, đạt và vượt quy định.

5. Địa giới hành chính của ĐVHC mới sau sắp xếp:

Phía Đông giáp phường Thắng Lợi, xã Chư Ầ thuộc thành phố Pleiku và xã Ia Băng thuộc huyện Đak Đoa; Phía Tây giáp phường Hội Phú, xã Ia Kênh và xã Gào thuộc thành phố Pleiku; Phía Nam giáp xã Ia Băng thuộc huyện Đak Đoa; Phía Bắc giáp phường Hội Phú và phường Trà Bá thuộc thành phố Pleiku.

6. Trụ sở làm việc của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, trung tâm dịch vụ hành chính công của ĐVHC mới sau sắp xếp:

- Giữ nguyên và tiếp tục sử dụng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND phường Chi Lăng (cũ) làm trụ sở làm việc cho đơn vị hành chính phường mới.

- Giữ lại trụ sở xã Chư HDrông tiếp tục sử dụng để làm Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, Trung tâm sinh hoạt cộng đồng cho đơn vị hành chính phường mới.

IV. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG TRƯỜNG HỢP ĐỐI DƯ DO SẮP XẾP

1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy ĐVHC mới sau khi sáp nhập

a) Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội:

- Thành lập Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội của đơn vị hành chính cấp xã mới trên cơ sở sắp xếp nguyên trạng Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội của 02 đơn vị hành chính cấp xã (xã Chư HDRông sáp nhập với phường Chi Lăng).

- Sau khi thành lập, Ban Thường vụ Thành ủy Pleiku, Ban Thường trực MTTQ và Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị-xã hội thành phố Pleiku thống nhất hiệp ý với Đảng ủy phường (mới) quyết định thành lập Đảng bộ, MTTQ và các tổ chức chính trị-xã-hội của xã phường (mới); chỉ định người đứng đầu và cấp phó của tổ chức trực thuộc tổ chức mình tại đơn vị hành chính mới trong số các Đảng viên, hội viên, đoàn viên để điều hành hoạt động cho đến khi bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Thường vụ, Thường trực các tổ chức khóa mới theo quy định tại điều lệ của mỗi tổ chức.

b) Chính quyền đơn vị hành chính mới:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính cấp xã mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2016-2021 (theo quy định tại khoản 1, Điều 134, Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015).

- Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính mới do một triệu tập viên được Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Pleiku chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới.

- Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

- Ủy ban nhân dân thành phố Pleiku điều động, bố trí, sắp xếp đội ngũ công chức theo quy định.

2. Đánh giá, phân loại, phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tại ĐVHC mới sau khi sắp xếp:

a) Đánh giá tiêu chuẩn loại đơn vị hành chính mới hình thành sau khi sắp xếp: Đơn vị hành chính mới sau khi sắp xếp đạt đơn vị hành chính loại II

b) Đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của đơn vị hành chính mới hình thành sau khi sắp xếp

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14, ngày 12/3/2019 thì đơn vị hành chính phường Chi Lăng (mới) không xem xét điều kiện về sự phù hợp với định hướng quy hoạch, chương trình phát triển đô thị và tiêu chuẩn về cơ cấu, trình độ phát triển kinh tế-xã hội, trình độ phát triển cơ sở hạ tầng quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 đối với đơn vị hành chính dự kiến hình thành sau khi sắp xếp.

Đơn vị hành chính đô thị (phường Chi Lăng mới) đạt tiêu chuẩn quy định của đơn vị hành chính phường về quy mô dân số, diện tích tự nhiên (đô thị thuộc thành phố trực thuộc tỉnh).

c) Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý, đội ngũ cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại ĐVHC mới sau khi sáp nhập:

- Cán bộ: Bố trí 10 người, gồm các chức danh: 01 Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HĐND); 01 Phó Bí thư Đảng ủy; 01 Chủ tịch HĐND kiêm nhiệm; 01 Phó Chủ tịch HĐND;

01 Chủ tịch UBND; 01 Phó Chủ tịch UBND; 01 Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam; 01 Chủ tịch Hội CCB; 01 Chủ tịch Hội Nông dân; 01 Chủ tịch Hội LHPN; 01 Bí thư Đoàn TNCS Hồ Chí Minh phường.

- Công chức: Bố trí 10 người, gồm các chức danh: 01 Chỉ huy Trưởng Quân sự; 02 Văn phòng-Thống kê; 02 Văn hóa-Xã hội; 01 Tư pháp-Hộ tịch; 02 Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp và Môi trường; 02 Tài chính-Kế toán. Chức danh Trưởng Công an bố trí Công an chính quy theo quy định.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 12 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố: 27 người, bố trí theo chức danh quy định của Trung ương (gồm: 09 thôn, tổ dân phố).

3. Xác định số lượng cán bộ, công chức dôi dư; lộ trình, phương án sắp xếp đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; việc giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư khi sắp xếp ĐVHC cấp xã:

3.1. Đối với cán bộ dôi dư 07 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Đôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bí thư Đảng ủy, kiêm Chủ tịch HĐND	01	x						Là cán bộ tăng cường, nay điều động về lại thành phố
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	x						Điều động về Đảng ủy xã phường khác
3	Phó Chủ tịch HĐND	01	x						Bố trí làm công chức VH-XH xã, phường khác
4	Chủ tịch UBND	01	x						Điều động về UBND xã, phường khác
5	Phó Chủ tịch UBND	01	x						Giải quyết nghỉ chế độ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
6	Chủ tịch hội CCB	01	x						Giải quyết nghỉ chế độ theo Nghị định số 157/2016/NĐ-CP ngày 24/11/2016 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Pháp lệnh CCB
7	Chủ tịch HND	01	x						Điều động về UBND xã, phường khác
Tổng		07							

3.2. Đối với công chức dôi dư 10 người, bố trí như sau:

Stt	Chức danh	Đôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Trưởng Công an	01	x						Bố trí làm Công chức VH-XH ở xã, phường khác
3	Văn phòng-Thống kê	02	x						Bố trí làm công chức VP-TK ở xã, phường khác
4	Văn hóa-Xã hội	02	x						Bố trí làm Công chức VH-XH ở xã, phường khác
5	Tư pháp-Hộ tịch	02	x						01 bố trí làm Công chức TP-HT ở xã, phường khác; 01 tạm thời bố trí dư tại đơn vị hành chính mới trong vòng 5 năm sẽ bố trí đơn vị hành chính xã khác còn thiếu
6	Địa chính-Xây dựng	02	x						01 Bố trí làm Công chức ĐC-XD đơn vị khác; 01 chuyển làm công chức của phòng chuyên môn của thành phố
7	Tài chính-Kế toán	01	x						Bố trí làm Công chức TC-KT ở xã, phường khác
Tổng số		10							

3.3. Đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư 14 người, hướng bố trí:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Tổ chức Đảng	01	x						Vận động nghỉ việc. Giải quyết chế độ chính sách theo quy định
2	Phó Chủ tịch MTTQ	01	x						
3	Phó Chủ tịch Hội CCB	01	x						
4	Phó Chủ tịch Hội ND	01	x						
5	Phó Chủ tịch Hội LHPN	01	x						
6	Phó Chủ tịch Đoàn TN	01	x						
7	Chủ tịch Hội NCT	01	x						
8	Phó Trưởng CA	01	x						
9	CAV Thường trực	02	x						
10	Phó CHI Quân sự	01	x						
11	Dân tộc-Tôn giáo	01	x						
12	Thú y-Chăn nuôi	01	x						
13	Bảo vệ	01	x						
Tổng số		14							

3.4. Đối với đơn vị hành chính sự nghiệp:

a) Trạm y tế:

Stt	Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Vị trí phân công
I. Thực trạng trước khi sắp xếp:			
1. Trạm Y tế xã Chư HDRông			
1	Y sỹ Đa khoa	01	Phó Trưởng Trạm quản lý chung
2	Điều dưỡng Trung học	01	Chăm sóc bệnh nhân
3	Nữ hộ sinh Trung học	01	Chăm sóc SKSS
4	Dược sĩ Trung học	01	Cấp phát thuốc
5	Trung cấp Kế toán – Tài chính	01	Công tác dân số
	Tổng	05	
2. Trạm Y tế phường Chi Lăng			
1	Y sỹ Đa khoa	01	Phó Trưởng Trạm quản lý chung
2	Y sỹ	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
3	Điều dưỡng Trung học	01	Chăm sóc bệnh nhân và các chương trình y tế
4	Nữ hộ sinh Trung học	01	Chăm sóc SKSS
5	Dược sĩ Trung học	01	Cấp phát thuốc
6	Nữ hộ sinh Trung học	01	Công tác dân số
	Tổng	06	
II. Phương án bố trí			
1. Trạm Y tế phường Chi Lăng (mới)			
1	Y sỹ Đa khoa	01	Phó Trưởng Trạm quản lý chung
2	Y sỹ Đa khoa	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
3	Nữ hộ sinh Trung học	01	Chăm sóc SKSS

Stt	Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Vị trí phân công
4	Dược sĩ Trung học	01	Cấp phát thuốc
5	Trung cấp Kế toán – Tài chính	01	Công tác dân số
6	Y sĩ Trung học	01	Điều dưỡng khám, điều trị và các chương trình y tế
	Tổng số	06	
2. Dôi dư sau sắp xếp			
1	Y sĩ Đa khoa	01	Phó Trưởng Trạm Y tế phường Ia King
2	Điều dưỡng Trung học	01	Khoa khám bệnh Trung tâm Y tế thành phố
3	Nữ hộ sinh	01	Khoa Chăm sóc SKSS, Trung tâm Y tế thành phố
4	Dược sĩ	01	Trạm Y tế xã Trà Đa
5	Nữ hộ sinh	01	Trạm Y tế xã An Phú
	Tổng số	05	

- Trụ sở bố trí: Tại Trạm Y tế Phường Chi Lăng (cũ).

- Phương tiện, trang thiết bị: Chuyển về Trung tâm Y tế thành phố để phục vụ công tác khám chữa bệnh, sử dụng trang thiết bị có hiệu quả.

- Cơ sở vật chất: Trạm Y tế xã Chư HDrông cũ nằm trong khuôn viên trụ sở UBND xã Chư HDrông (cũ) sẽ thực hiện bàn giao, chuyển thành Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt cộng đồng cho toàn phường mới.

b) Đối với các trường học:

Các trường học trên địa bàn: Giữ nguyên hiện trạng 03 trường, cụ thể như sau: Trường mầm non Hướng Dương (phường Chi Lăng cũ); Trường tiểu học Ngô Quyền (phường Chi Lăng cũ); Trung học cơ sở Lý Thường Kiệt (xã Chư HDrông cũ).

Lý do: Căn cứ Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường Tiểu học, Văn bản số 03/VBHN-BGDĐT ngày 22/01/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Điều lệ trường tiểu học; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16/3/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập; Văn bản số 3712/BGDĐT-CSVC của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24/8/2018 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông và Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 23/5/2018 của UBND thành phố về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn thành phố giai đoạn 2018-2020. Sau khi xem xét các tiêu chí và điều kiện: Số lượng học sinh dự kiến tuyển sinh năm học 2019-2020 và các năm học tiếp theo; khoảng cách địa lý giữa các điểm trường (đảm bảo độ dài đường đi của học sinh đến trường không quá 500m); sự phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục của thành phố; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của phường mới thành lập sau khi sáp nhập; đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục tiểu học. UBND thành phố Pleiku không thực hiện sáp nhập 03 trường nói trên, để không ảnh hưởng đến việc di chuyển của học sinh, đảm bảo chất lượng dạy và học, sử dụng hợp lý, tiết kiệm cơ sở vật chất hiện có của các trường học.

4. Phương án bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản tại ĐVHC cấp xã mới hình thành sau sắp xếp và việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của ĐVHC cũ trước đây đã thực hiện sắp xếp:

Việc bố trí sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp và việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của xã, phường cũ đã thực hiện sắp xếp được thực hiện căn cứ: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công của Chính phủ; Nghị định 151/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 37/2018/TT-BTC hướng dẫn về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP; các văn bản hướng dẫn khác và tình hình thực tế tại địa phương. Dự kiến phương án như sau: Giữ nguyên và tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc phường Chi Lăng (cũ) làm trụ sở làm việc cho UBND phường mới. Giữ lại trụ sở xã Chu HDrông tiếp tục sử dụng để làm Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao cho phường mới. Tài sản rà soát, phân loại và quyết định giữ lại hoặc điều chuyển qua các đơn vị hành chính khác có nhu cầu sử dụng, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH MỚI HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP

1. Định hướng ổn định và phát triển của ĐVHC mới sau sắp xếp:

- Huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư phát triển nhằm thu hút mạnh mẽ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế tham gia đầu tư trên địa bàn. Chuyển dịch kinh tế gắn với giải quyết việc làm thường xuyên cho người lao động; đẩy mạnh đào tạo nghề, chuyển đổi nghề gắn với giải quyết việc làm cho người lao động.

- Khai thác các thế mạnh về tài nguyên, đất đai, lao động... tích cực thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ, chuyển đổi mạnh mẽ cơ cấu lao động, đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa. Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng, xã hội hóa đầu tư các công trình phúc lợi công cộng để nâng cao đời sống nhân dân và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

- Nâng cao chất lượng giáo dục, tiếp tục duy trì chuẩn Quốc gia về phổ cập tiểu học, trung học cơ sở. Thực hiện tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa, chăm lo cho các đối tượng chính sách, các gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; tích cực thực hiện các biện pháp giảm nghèo, tạo điều kiện cho số lao động trong độ tuổi có việc làm, hỗ trợ vốn tạo việc làm đúng mục đích, đúng đối tượng và có hiệu quả.

- Tiếp tục đảm bảo ổn định tình hình Quốc phòng- An ninh trên địa bàn. Tập trung công tác nắm tình hình, nắm hộ, nắm người; theo dõi, quản lý tốt các hệ, loại đối tượng; xây dựng, củng cố phong trào toàn dân bảo vệ An ninh Tổ quốc đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an ninh trật tự. Xây dựng lực lượng Quân sự, Công an phường vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại.

- Xây dựng bộ máy trong hệ thống chính trị năng động, gọn nhẹ, có đủ năng lực điều hành chính quyền đô thị và mục tiêu là phục vụ nhân dân tốt hơn.

2. Giải pháp ổn định và phát triển ĐVHC mới hình thành sau sắp xếp:

a) Về phát triển kinh tế:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại dịch vụ - công nghiệp xây dựng- nông nghiệp; tăng thu nhập bình quân đầu người hàng năm; giải quyết tốt việc làm thường xuyên cho người lao động; đồng thời xây dựng cơ sở kinh tế sản xuất có năng lực hoạt động làm động lực của quá trình đô thị hóa và phát triển bền vững.

- Thu ngân sách đạt và vượt theo chỉ tiêu giao hàng năm gắn với chỉ ngân sách đảm bảo tiết kiệm hiệu quả. Thực hiện công khai, dân chủ trong việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách. Tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời chấn chỉnh chế độ thu, chi ngân sách theo Luật Ngân sách nhà nước.

- Thương mại-dịch vụ, du lịch: Tập trung ưu tiên đầu tư phát triển các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, các ngành có tiềm năng. Huy động các nguồn lực, cơ bản hoàn thiện hệ thống chợ theo quy hoạch. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hóa, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm. Phát triển các loại hình dịch vụ có chất lượng cao như: Bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, y tế, việc làm... trong đó chú trọng phát triển hệ thống các dịch vụ phù hợp với phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách có liên quan; tăng cường quản lý, kiểm tra điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn.

- Xây dựng, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp - xây dựng để thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, ổn định đời sống nông dân. Tạo điều kiện và mời gọi đầu tư, đẩy mạnh ứng dụng khoa học và công nghệ nhằm tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Khuyến khích các thành phần kinh tế, hộ gia đình cá nhân phát triển những sản phẩm có giá trị kinh tế cao và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Nông lâm, ngư nghiệp: Chú trọng sản xuất sản phẩm nông nghiệp mang tính hàng hóa đa dạng, an toàn và có tính cạnh tranh. Chủ động phối hợp các thành phần kinh tế tư nhân, tập thể sử dụng hợp lý các nguồn lực tài nguyên trên địa bàn; từng bước hiện đại hoá và đổi mới mô hình sản xuất để xây dựng thành vùng nông nghiệp sinh thái, sản xuất nuôi trồng hàng hoá có chất lượng cao. Khuyến khích và hỗ trợ người dân về kỹ thuật và tín dụng để phát triển nghề chăn nuôi trên địa bàn; hợp tác, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm; đẩy mạnh sản xuất và tháo gỡ khó khăn cho nông dân.

b) Về Quy hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị:

- Phát triển hạ tầng xã hội:

+ Xóa bỏ nhà tạm, kiên cố hóa nhà ở trong khu dân cư; thu hút đầu tư, xây dựng thêm các khu dân cư mới. Xây dựng mới, cải tạo, mở rộng quy mô các công trình công cộng. Phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ, xây dựng các công trình công cộng như nhà trẻ, mẫu giáo, các thiết chế văn hóa, thể thao thôn, tổ dân phố; khai thác một số quỹ đất trống để làm vườn, hoa, trồng cây xanh, làm đẹp cảnh quan đô thị.

+ Tiếp tục kêu gọi đầu tư nâng cấp các công trình y tế, mở rộng quy mô số lượng giường bệnh tại Trạm y tế phường. Xây dựng các trường đạt chuẩn quốc gia theo từng cấp độ. Xây dựng thêm công trình văn hóa - thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu của người dân.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật:

+ Cải tạo và nâng cấp một số tuyến đường giao thông trong khu vực dân cư; triển khai xây dựng các dự án ưu tiên về phát triển giao thông nông thôn. Mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước, thoát nước và vệ sinh môi trường. Nước thải của các

khu vực cụm dân cư độc lập được xử lý cục bộ bằng bể tự hoại rồi xả vào hệ thống thoát nước mưa.

- + Quy hoạch, sắp xếp lại một số khu dân cư cũ thành các khu dân cư tập trung mang hình thái đô thị. Cải tạo nâng cấp và xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng; nâng công suất cấp điện; mở rộng mạng lưới chiếu sáng các trục đường giao thông.

- + Nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian phát hành báo chí và công văn xuống thôn, tổ dân phố. Chú trọng mở rộng mạng lưới điện thoại khu vực nông thôn, đưa các dịch vụ viễn thông về tận các thôn, tổ dân phố. Xây dựng mới, mở rộng các công viên cây xanh công cộng.

c) Về kiến trúc cảnh quan đô thị:

- Tạo điều kiện để rà soát, tổ chức hợp lý các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư, khuôn viên, cây xanh...; là tiền đề để đầu tư xây dựng mới các khu chức năng đô thị, từ đó có tác động đến việc thu hút, phân bố lại dân cư, cơ sở kinh doanh theo hướng mở rộng đô thị ra các khu nội thị mới có điều kiện tốt hơn về quỹ đất cũng như đã được đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật.

- Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp các tuyến phố chính theo tiêu chí quy định; lập và thực hiện tốt Quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị; quy hoạch phân khu chức năng, quy hoạch chi tiết.

- Xây dựng quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị; thực hiện các dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị hiện hữu. Đầu tư nâng cấp, cải tạo các tuyến đường chính. Đầu tư xây dựng thêm không gian công cộng, duy tu nâng cấp không gian công cộng hiện có.

d) Về phát triển Văn hóa-Xã hội:

- Giữ vững và từng bước nâng cao chất lượng giáo dục đạo đức cho học sinh. Tiếp tục thực hiện đề án kiên cố hóa trường học và kế hoạch xây dựng trường chuẩn Quốc gia. Ứng dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy để nâng cao chất lượng giáo dục. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục và đào tạo nghề.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra các hoạt động văn hóa và dịch vụ văn hóa; khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, phát triển các loại hình văn hóa dân lập. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn minh đô thị trong cộng đồng dân cư.

- Quan tâm đầu tư xây dựng thiết chế Văn hóa – thể dục thể thao; nâng cấp cơ sở vật chất, máy móc, phương tiện hoạt động của hệ thống truyền thanh để đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến mọi người dân.

- Thực hiện tốt các chương trình y tế Quốc gia; nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; chủ động phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm đối với người. Tăng cường công tác giáo dục truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình; công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em; chăm sóc người già, người tàn tật.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình xóa đói, giảm nghèo, dự án giải quyết việc làm; vận động xây dựng, phát triển quỹ vì người nghèo.

đ) Về Tài nguyên và môi trường:

- Hoàn thành việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các hộ dân trên địa bàn; tăng cường quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước và khoáng sản; nâng cao năng lực trong công tác lập và quản lý quy hoạch trên địa bàn, phân bổ hợp lý quỹ đất theo chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng đất, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao nhận thức và trách nhiệm cộng đồng về bảo vệ môi trường. Tổ chức tốt việc thu gom,

xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải y tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành của pháp luật về bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, cơ sở chăn nuôi và giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn; ngăn chặn kịp thời các nguồn gây ô nhiễm môi trường và xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo thẩm quyền quy định, không để hình thành mới các cơ sở thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao tại các khu vực dân cư.

e) Về An ninh-Quốc phòng:

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế xã hội với đảm bảo quốc phòng an ninh. Tiến hành xây dựng các công trình phòng thủ cho các thành phần cơ bản của thể trận phòng thủ khu vực trên phạm vi toàn phường theo từng giai đoạn; ưu tiên các công trình phòng thủ trên các hướng phòng thủ và các khu vực quan trọng. Xây dựng quốc phòng toàn dân và thể trận an ninh nhân dân vững chắc.

- Chủ động đấu tranh, ngăn chặn làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động. Đẩy mạnh công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác. Chú trọng công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

- Công an, Quân sự phường tiếp tục thực hiện các chương trình hành động giữa Công an, Quân sự với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể; xây dựng cơ quan, doanh nghiệp, thôn, làng, địa bàn dân cư an toàn về an ninh trật tự, gắn với xây dựng thôn, làng văn hóa.

g) Về nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị:

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của cấp ủy Đảng, đối với công tác dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân; tăng cường kỷ cương, kỷ luật trong Đảng và toàn xã hội để xây dựng và phát triển bền vững, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, hoạt động của bộ máy chính quyền cấp xã; thực hiện cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, tăng cường kỷ cương, kỷ luật.

- Xây dựng hệ thống chính trị từ phường đến thôn, tổ dân phố vững mạnh và không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách; chú trọng công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ, công chức (đặt biệt quan tâm nguồn cán bộ trẻ có trình độ chuyên môn, phẩm chất chính trị); xây dựng đội ngũ giỏi về chuyên môn, nghiệp vụ, đủ về số lượng, có phẩm chất đạo đức để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Thực hiện đổi mới về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể gắn với việc đẩy mạnh các phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân; tăng cường công tác, vai trò giám sát phản biện xã hội, nhằm tạo sự đồng thuận toàn xã hội, góp phần xây dựng và phát triển khối đại đoàn kết toàn dân trên địa bàn.

h) Về cải cách thủ tục hành chính:

- Thực hiện cải cách hành chính, tập chung khâu đột phá là cải cách thủ tục hành chính, đổi mới và nâng cao năng lực quản lý, điều hành của chính quyền phường. Lãnh đạo chỉ đạo thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại, tạo môi trường pháp lý thuận lợi cho các hoạt động kinh tế - xã hội. Cải tiến phương thức làm việc của cán bộ, công chức trong bộ máy chính quyền theo hướng công khai, minh bạch, chống nhũng nhiễu, cửa quyền; quy định chế độ công khai để nhân dân và các tổ chức xã hội tham gia giám sát hoạt động của các cán bộ, công chức, viên chức.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành các cơ quan; nhất là thực hiện chế độ một cửa, một cửa liên thông; từng bước cải cách bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Đổi mới phương thức và lề lối làm việc, phương pháp chỉ đạo điều hành và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

- Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện kiểm soát thủ tục thành chính, tổ chức rà soát, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, thay thế những thủ tục hành chính không còn phù hợp.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện:

1.1. Phòng Nội vụ:

- Hướng dẫn UBND xã Chư HDrông, phường Chi Lăng lập, niêm yết danh sách cử tri phát phiếu lấy ý kiến; tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri về Đề án sáp nhập.

- Chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến, tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri (gồm: ⁽¹⁾ Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; ⁽²⁾ Bản tóm tắt Đề án, bao gồm các nội dung: Phương án sáp nhập đơn vị hành chính, đánh giá tóm tắt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và các điều kiện của việc sáp nhập đơn vị hành chính; danh mục các văn bản chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước) gửi Ủy ban nhân dân xã, phường để tổ chức lấy ý kiến cử tri theo từng thôn, tổ dân phố.

- Tham mưu UBND thành phố tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn gửi cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Tham mưu UBND thành phố hướng dẫn tổ chức kiện toàn hệ thống chính quyền ở đơn vị hành chính mới sau khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính mới theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ, quy trình, thủ tục tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp cán bộ, công chức nghỉ việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

- Tham mưu UBND thành phố quyết định sáp nhập, bố trí lại đội ngũ công chức ở đơn vị hành chính mới theo đúng lộ trình thời gian quy định.

- Tham mưu, đề xuất thực hiện công việc, nội dung phân công tại Đề án của tỉnh giao cho UBND thành phố Pleiku thuộc lĩnh vực phụ trách.

1.2. Phòng Tài chính-Kế hoạch: Bố trí nguồn kinh phí thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, thực hiện giám sát việc sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

1.3. Văn phòng HĐND-UBND: Đăng tải tài liệu phục vụ lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của thành phố trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri. Hướng dẫn thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức khi thay đổi địa giới đơn vị hành chính do sáp nhập; bảo đảm thủ tục chuyển đổi phải đơn giản, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi.

1.4. Phòng Văn hóa-Thông tin: Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Đề án sáp nhập xã Chư HDrông với phường Chi Lăng trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã Chư HDrông, phường Chi Lăng theo quy định.

1.5. Phòng Quản lý đô thị: Thẩm định và đánh giá các tiêu chí về Hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị theo quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 đối với đơn vị hành chính mới sau khi sáp nhập. Đánh giá các tác động và tham mưu giải pháp về quy hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng đô thị, kiến trúc cảnh quan đô thị.

1.6. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Theo phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, phối hợp với phòng Nội vụ triển khai thực hiện Đề án sáp nhập đảm bảo đúng lộ trình thời gian; hướng dẫn, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.

1.7. Công an thành phố và Ban CHQS thành phố:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, các phương án để bảo đảm an ninh trước, trong và sau khi tổ chức lấy ý kiến cử tri; theo dõi, bám sát địa bàn, bố trí lực lượng duy trì an ninh, trật tự khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định.

1.8. Đề nghị Ban Tổ chức Thành ủy:

- Phối hợp với phòng Nội vụ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với trường hợp thuộc khối Đảng, đoàn thể chính trị xã hội cấp xã nghỉ việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

- Hướng dẫn kiện toàn tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị-xã hội ở đơn vị hành chính mới sau khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính mới.

- Chủ trì tham mưu phương án bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền Thành ủy Pleiku.

1.9. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội thành phố Pleiku:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố.

1.10. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã Chư HDRông, phường Chi Lăng:

Trên cơ sở Đề án sáp nhập đơn vị hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố, ý kiến của cử tri địa phương, Hội đồng nhân dân các xã, phường thảo luận, biểu quyết về chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính theo quy định.

1.11. Ủy ban nhân dân xã Chư HDRông, phường Chi Lăng:

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội cùng cấp tổ chức thông tin, tuyên truyền về lấy ý kiến cử tri nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, đúng đắn cho cử tri trong việc sáp nhập đơn vị hành chính. Qua đó để cử tri hiểu rõ ý nghĩa, nội dung của việc lấy ý kiến; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cử tri; động viên, khuyến khích cử tri tham gia tích cực khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Tổ chức tuyên truyền và lập, niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, các điểm sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn xã, phường trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Căn cứ danh sách cử tri trên địa bàn để phát phiếu lấy ý kiến theo quy định; xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến cử tri trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã, phường và tại các cuộc họp thôn, làng, tổ dân phố trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân thành phố (qua phòng Nội vụ) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Giải quyết khiếu nại của công dân, tổ chức (nếu có) về kết quả lấy ý kiến cử tri và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC mới hình thành sau khi sáp nhập trong việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới ĐVHC cấp xã:

- Trên cơ sở danh mục, số lượng vị trí việc làm quy định để tổ chức cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn

vị; xây dựng kế hoạch, lộ trình và thực hiện việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách phù hợp với thực hiện tinh giản biên chế theo các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, quy định của nhà nước và theo lộ trình của Đề án này.

- Xây dựng phương án cụ thể về việc bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính mới; xây dựng nội quy, quy chế làm việc của đơn vị theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại đơn vị hành chính mới.

- Rà soát, thống kê, đánh giá và thực hiện các quy trình đề trình cấp có thẩm quyền phân loại đơn vị hành chính phường mới; thực hiện quy trình, thủ tục thay đổi thông tin đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và quy trình, thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, xây dựng chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp các dịch vụ công, mở rộng thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công theo hướng một cửa, một cửa liên thông; cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

- Chủ động triển khai, hướng dẫn cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan do thay đổi địa giới đơn vị hành chính. Việc chuyển đổi các loại giấy tờ cần phải được thực hiện ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, bảo đảm tuyên truyền, công khai theo quy định và tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện việc chuyển đổi.



**PHƯƠNG AN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH XÃ CHƯ JỜR
THUỘC HUYỆN CHƯ PĂH**

(Kèm theo Đề nghị số: 1745/ĐA-UBND ngày 03/8/2019 của UBND tỉnh Gia Lai)

PHẦN I

**HIỆN TRẠNG ĐVHC CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP VÀ
CÁC ĐVHC CÙNG CẤP LIÊN KỀ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN SẮP XẾP**

I. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ THUỘC DIỆN SẮP XẾP

1. Tên đơn vị hành chính: Xã Chư Jờr

2. Thuộc khu vực: Miền núi (theo Quyết định 582/QĐ-TTg ngày 28/4/2017 của Thủ Tướng Chính phủ).

3. Diện tích tự nhiên⁽¹⁾: 11,82 km²

4. Dân số Trung bình năm 2018⁽²⁾: 1.106 người.

Trong đó:

a) Dân số theo dân tộc: Kinh 754 người (chiếm 68,17%); Jrai: 352 người (chiếm 31,83%).

b) Dân số theo tôn giáo: Công giáo: 860 người (chiếm 77,76%); Tin lành: 164 người (chiếm 14,83%); Phật giáo: 82 người (chiếm 7,41%).

5. Giáp ranh với các ĐVHC cùng cấp liên kề: Phía Bắc giáp xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh; Phía Nam Giáp xã Tân Sơn thuộc thành phố Pleiku; Phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh; Phía Đông giáp xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa.

6. Hiện trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ CBCC cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn: Số cán bộ lãnh đạo quản lý 10 người; số chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức 21 người, hiện có mặt 18 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã 19 người, hiện có mặt 09 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố 09 người, hiện có mặt 09 người. Bao gồm:

a) Các cơ quan Đảng: 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư, 09 Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy.

b) Các cơ quan chính quyền:

- Hội đồng nhân dân: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND, Đại biểu Hội đồng nhân dân 18 người.

- Ủy ban nhân dân: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch. Ủy viên UBND 02 người.

- Các chức danh công chức thuộc UBND: Có 08 công chức (gồm: 01 Trưởng Công an; 01 Chỉ huy trưởng Quân sự; 02 Văn phòng-Thống kê; 01 Tài chính-Kế toán; 01 Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp và Môi trường; 01 Tư pháp-Hộ tịch; 01 Văn hóa-Xã hội).

c) Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể:

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch MTTQ, 29 Ủy viên MTTQ.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội CCB, 05 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội Nông dân, 07 Ủy viên Ban Chấp hành.

⁽¹⁾ Số liệu diện tích tự nhiên do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai cung cấp tại văn bản số 1197/STNMT-ĐKTK ngày 02/5/2019.

⁽²⁾ Số liệu về dân số do Cục Thống kê tỉnh Gia Lai cung cấp ngày 16/4/2019.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội LHPN, 07 Ủy viên Ban Chấp hành.
- 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư Đoàn TN, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

d) Những người hoạt động không chuyên trách:

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 09 người
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 09 người theo chức danh quy định của Trung ương (gồm: Thôn Ngô Sơn, thôn Đoàn Kết, Làng Wet).

II. CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC SẮP XẾP

1. Tên đơn vị hành chính: Xã Chư Đang Ya

2. Thuộc khu vực: Miền núi

3. Diện tích tự nhiên⁽¹⁾: 42,37 Km²

4. Dân số trung bình năm 2018⁽²⁾: 2.472 người, trong đó:

a) Dân số theo dân tộc: Kinh: 418 người (chiếm 16,91%); Jrai: 2.054 người (chiếm 83,09%).

b) Dân số theo tôn giáo: Công giáo: 1.453 người (chiếm 58,78%); Tin lành: 200 người (chiếm 8,09%); Phật giáo: 53 người (chiếm 2,14%); Cao đài: 04 người (chiếm 0,16%).

5. Giáp ranh với các đơn vị hành chính cùng cấp liên kề:

Phía Đông giáp xã Đak Krong thuộc huyện Đak Đoa; Phía Tây giáp xã Chư Jôr, xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh; Phía Nam giáp xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa; Phía Bắc giáp xã Hòa Phú, xã Ia Khươl và xã Đăk Tơ Ver thuộc huyện Chư Păh.

6. Hiện trạng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị và đội ngũ CBCC cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách ở thôn: Số cán bộ lãnh đạo quản lý 10 người; số chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức 23 người, hiện có mặt 20 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở xã 20 người, hiện có mặt 15 người; số lượng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố 12 người, hiện có mặt 12 người. Bao gồm:

a) Cơ quan Đảng: 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư; 10 Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy.

b) Các cơ quan chính quyền:

- Hội đồng nhân dân: Chủ tịch HĐND (kiêm nhiệm), 01 Phó Chủ tịch HĐND. Đại biểu Hội đồng nhân dân 22 người.

- Ủy ban nhân dân: 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch. Ủy viên UBND 02 người.

- Các chức danh công chức thuộc UBND xã: 10 người (gồm: 01 Trưởng Công an; 01 Chỉ huy trưởng Quân sự; 02 Văn phòng-Thống kê; 01 Tài chính-Kế toán; 01 Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp và Môi trường; 02 Tư pháp-Hộ tịch; 02 Văn hóa-Xã hội).

c) Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể:

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch MTTQ, 25 Ủy viên MTTQ.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội CCB, 07 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội Nông dân, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội LHPN, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

- 01 Bí thư, 01 Phó Bí thư Đoàn TN, 09 Ủy viên Ban Chấp hành.

d) Những người hoạt động không chuyên trách:

- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã: 15 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn: 12 người theo chức danh quy định của Trung ương (gồm: 04 làng: Kó, Xóa, Jar, Ia Gri).

Phần II PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

I. CƠ SỞ VÀ LÝ DO CỦA PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Trên cơ sở kết quả rà soát, thống kê, đánh giá về 02 tiêu chuẩn diện tích tự nhiên và quy mô dân số so với quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xã Chư Jôr có diện tích tự nhiên 11,82 km² (đạt 23,64 %), dân số 1.106 người (đạt 22,12 %) và xã Chư Đang Ya có diện tích tự nhiên 42,37 km² (đạt 84,74 %), dân số 2.472 người (đạt 49,44 %); là hai địa phương có vị trí địa lý liền kề, kết nối duy nhất với nhau và đều thuộc xã đặc biệt khó khăn (vùng III); phong tục tập quán, văn hóa, kinh tế xã hội có nhiều yếu tố tương đồng; hạ tầng giao thông có tuyến đường huyết mạch nối đồng bộ giữa hai địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, sản xuất, giao dịch hành chính, quản lý của chính quyền sau khi sắp xếp. Việc sắp xếp, sáp nhập 02 đơn vị hành chính này thành 01 đơn vị hành chính mới là yêu cầu để tăng quy mô đơn vị hành chính; góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội, tăng cường hiệu quả, hiệu lực hoạt động của hệ thống chính trị.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ:

1. Sáp nhập nguyên trạng 02 đơn vị hành chính cấp xã thuộc huyện Chư Păh, gồm: Xã Chư Jôr với xã Chư Đang Ya thuộc đơn vị hành chính huyện Chư Păh để thành lập đơn vị hành chính xã mới (xã Chư Đang Ya).

2. Việc sáp nhập sẽ được thực hiện theo hình thức sáp nhập nguyên trạng các đơn vị hành chính cấp xã. Sau khi sáp nhập, các đơn vị hành chính cấp xã cũ chuyển giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu, tài sản, tài chính, trang thiết bị, cơ sở vật chất, nhân lực, các quyền và nghĩa vụ tài chính, quyền quản lý, điều hành thôn, tổ dân phố... cho đơn vị hành chính cấp xã mới để tiếp tục thực hiện, sử dụng, quản lý và điều hành.

III. KẾT QUẢ SAU KHI SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Tên đơn vị hành chính mới: Xã Chư Đang Ya

2. Thuộc khu vực: Miền núi

3. Diện tích tự nhiên (km²) của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp: 54,19 km², đạt 108,38%.

4. Dân số trung bình của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp: 3.578 người, đạt 71,56%

5. Địa giới hành chính của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp:

Phía Đông giáp xã Hà Bầu, xã Đak Krong thuộc huyện Đak Đoa; Phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh; Phía Nam giáp xã Tân Sơn thành phố Pleiku và xã Hà Bầu thuộc huyện Đak Đoa; Phía Bắc giáp xã Hòa Phú, xã Ia Khrol và xã Đak Tơ Ver thuộc huyện Chư Păh.

6. Trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, trung tâm dịch vụ hành chính công của đơn vị hành chính mới hình thành sau sắp xếp:

Giữ nguyên và tiếp tục sử dụng trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Chư Đang Ya (cũ) làm trụ sở làm việc cho đơn vị hành chính xã mới. Trụ sở xã Chư Jôr tiếp tục sử dụng để làm Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, Trung tâm sinh hoạt cộng đồng cho đơn vị hành chính xã mới.

IV. SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ, VIÊN CHỨC, NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NHỮNG TRƯỜNG HỢP DÔI DƯ DO SẮP XẾP

1. Phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, tổ chức của đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sắp xếp:

a. Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị-xã hội cấp xã:

- Thành lập Đảng bộ, MTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội của đơn vị hành chính cấp xã mới trên cơ sở sáp nhập nguyên trạng Đảng bộ, UBMTTQ và các đoàn thể chính trị - xã hội của các đơn vị hành chính cấp xã cũ.

- Sau khi thành lập, Ban Thường vụ Huyện ủy Chư Păh, Ban Thường trực UBMTTQ và Ban Thường vụ các đoàn thể chính trị-xã hội huyện Chư Păh thống nhất hiệp ý với Đảng ủy xã (mới) quyết định thành lập Đảng bộ, MTTQ và các tổ chức chính trị xã- hội của xã (mới); chỉ định người đứng đầu và cấp phó của tổ chức trực thuộc tổ chức mình tại đơn vị hành chính xã (mới) trong số các Đảng viên, hội viên, đoàn viên để điều hành hoạt động cho đến khi bầu ra Ban Chấp hành, Ban Thường trực, Ban Thường vụ, Thường trực khóa mới theo quy định tại điều lệ của mỗi tổ chức.

b. Chính quyền cấp xã:

- Đại biểu Hội đồng nhân dân của các đơn vị hành chính cũ được hợp thành Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính cấp xã mới và tiếp tục hoạt động cho đến khi hết nhiệm kỳ 2016-2021.

- Kỳ họp thứ nhất của Hội đồng nhân dân ở đơn vị hành chính xã mới do một triệu tập viên được Thường trực Hội đồng nhân dân huyện Chư Păh chỉ định trong số đại biểu Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính cấp xã mới, để triệu tập và chủ tọa cho đến khi Hội đồng nhân dân bầu ra Chủ tịch Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính xã mới.

- Hội đồng nhân dân của đơn vị hành chính mới bầu các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân theo quy định và hoạt động cho đến khi Hội đồng nhân dân khóa mới được bầu ra.

- Ủy ban nhân dân huyện Chư Păh điều động, bổ trí, sắp xếp đội ngũ công chức theo quy định.

2. Đánh giá, phân loại, phương án bố trí, sắp xếp, chức danh lãnh đạo, quản lý, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố tại ĐVHC mới sau sắp xếp.

a) Đánh giá tiêu chuẩn loại ĐVHC mới sau sắp xếp: Đơn vị hành chính mới sau sắp xếp đạt đơn vị hành chính loại II

b) Đánh giá mức độ đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn của ĐVHC mới sau sắp xếp:

Căn cứ quy định tại Điều 3 của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Chư Đăng Ya (mới) :

+ Tiêu chuẩn về Quy mô dân số: Có tổng dân số là 3.578 người, đạt 71,56 % so với tiêu chuẩn quy định (Đánh giá không đạt).

+ Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên: Có tổng diện tích tự nhiên là 54,19 km², đạt 108,38 % so với tiêu chuẩn quy định (Đánh giá đạt).

Theo quy định thì xã Chư Đăng Ya (mới) chưa đạt tiêu chuẩn quy mô dân số. Tuy nhiên, căn cứ quy định tại khoản 2, khoản 3 của Điều 2, Nghị quyết số

653/2019/UBTVQH14 và khoản 3, phần III của Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ, thì trường hợp này thuộc diện đặc thù, giải trình như sau:

Xã Chư Jôr thuộc huyện Chư Păh (đơn vị hành chính thuộc diện sáp nhập) có vị trí địa lý, cụ thể như sau: Phía Tây giáp với xã Nghĩa Hưng thuộc huyện Chư Păh, phía Bắc giáp với xã Chư Đang Ya thuộc huyện Chư Păh, phía Đông giáp xã Hà Bầu huyện Đak Đoa, phía Nam giáp xã Tân Sơn thuộc thành phố Pleiku. Như vậy, trên địa bàn huyện Chư Păh, xã Chư Jôr chỉ giáp với xã Nghĩa Hưng và xã Chư Đang Ya.

Trong hai xã tiếp giáp xã Chư Jôr thì xã Chư Đang Ya thuộc diện sắp xếp trong giai đoạn 2022-2030, do diện tích tự nhiên và quy mô dân số không đảm bảo tiêu chuẩn quy định. Vị trí địa lý của xã Chư Đang Ya, cụ thể như sau: Phía Bắc giáp với xã Hòa Phú, xã Ia Khroi, xã Đăk Tơ Ver của huyện Chư Păh; có địa hình đồi núi, hiểm trở, không có đường giao thông đi lại. Phía Tây giáp xã Nghĩa Hưng của huyện Chư Păh nhưng không có đường giao thông kết nối qua lại. Phía Đông giáp với xã Đak Rong thuộc địa bàn huyện Đak Đoa. Phía Nam giáp xã Chư Jôr, có đường giao thông huyết mạch duy nhất, kết nối với xã Chư Jôr để đi sang các xã khác (như: xã Nghĩa Hưng). Do đó, phương án sắp xếp xã Chư Đang Ya chỉ có thể sáp nhập duy nhất với xã Chư Jôr trên địa bàn huyện Chư Păh.

Sau khi sáp nhập hai xã Chư Jôr và xã Chư Đang Ya mà vẫn phải nhập thêm 01 xã khác để đảm bảo tiêu chí quy mô dân số theo quy định thì chỉ có thể nghiên cứu đối với xã Nghĩa Hưng (đơn vị hành chính duy nhất còn lại có kết nối với xã Chư Jôr). Qua khảo sát, đánh giá thì nếu sáp nhập thêm xã Nghĩa Hưng thì sẽ không thuận lợi trong hoạt động quản lý, điều hành ở cơ sở do địa bàn rộng, dân cư phân tán; khoảng cách giữa các làng đồng bào dân tộc thiểu số với khu dân cư trung tâm không thuận lợi trong kết nối phát triển. Mặt khác, dự kiến xã Nghĩa Hưng thuộc diện nghiên cứu sáp nhập giai đoạn 2022-2030 với thị trấn Phú Hòa, xã Nghĩa Hòa do không đảm bảo tiêu chuẩn quy định, qua đó thành lập 02 đơn vị hành chính mới, gắn với tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện Chư Păh.

Vì các lý do nêu trên, huyện Chư Păh xây dựng Phương án sáp nhập xã Chư Jôr với xã Chư Đang Ya là phù hợp và đảm bảo định hướng lâu dài sau này; thuận lợi cho người dân trong sinh hoạt, giao dịch với chính quyền và đảm bảo công tác an ninh trên địa bàn.

c) Phương án bố trí, sắp xếp chức danh lãnh đạo, quản lý:

- Cán bộ: 10 người, gồm: 01 Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HĐND); 01 Phó Bí thư Đảng ủy; 01 Phó Chủ tịch HĐND; 01 Chủ tịch UBND; 01 Phó Chủ tịch UBND; 01 Chủ tịch UBND TTQ; 01 Chủ tịch Hội CCB; 01 Chủ tịch Hội Nông dân; 01 Chủ tịch Hội LHPN; 01 Bí thư Đoàn TN.

- Công chức: 10 người, gồm: 01 Chỉ huy Trường Quân sự; 02 Văn phòng-Thông kê; 02 Văn hóa-Xã hội; 01 Tư pháp-Hộ tịch; 02 Địa chính-Xây dựng-Nông nghiệp và Môi trường; 02 Tài chính-Kế toán.

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã: 12 người.

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn bố trí 21 người, theo quy định của Trung ương (gồm: 07 thôn, làng).

3. Xác định số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; lộ trình, phương án sắp xếp đội ngũ lãnh đạo, quản lý và cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách dôi dư; việc giải quyết chế độ, chính sách đối với những trường hợp dôi dư khi thực hiện sắp xếp ĐVHC cấp xã.

3.1. Đối với cán bộ cấp xã: Tổng số người dôi dư là 10 người

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Bí thư Đảng ủy (kiêm Chủ tịch HĐND)	02	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP Cho nghỉ việc theo quy định (do chưa có bằng Trung học phổ thông, chuyên môn)
2	Phó Bí thư Đảng ủy	01	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP
3	Phó Chủ tịch HĐND	01	x						Đề nghị giải quyết theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
4	Phó Chủ tịch UBND	01	x						Cho nghỉ việc theo quy định (do chưa có bằng Trung học phổ thông)
5	Chủ tịch MTTQ	01	x						Chuyển xuống làm cấp Phó xã mới
6	Chủ tịch Hội CCB	01	x						Chuyển xuống làm cấp Phó xã mới
7	Chủ tịch Hội ND	01	x						Chuyển xuống làm cấp Phó xã mới
8	CT Hội LHPN	01	x						Chuyển xuống làm cấp Phó xã mới
9	Bí thư Đoàn TN	01	x						Chuyển xuống làm cấp Phó xã mới
Tổng		10							

3.2. Đối với công chức cấp xã: Tổng số người dôi dư là 08 người

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Phương án sắp xếp, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Trưởng Công an	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
2	Chỉ huy Trưởng Quân sự	01	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
3	Văn phòng-Thống kê	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
4	Văn hóa -Xã hội	01	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
5	Tư pháp-Hộ tịch	02	x						Bố trí làm công tác ở các xã khác
Tổng cộng		08							

3.3. Đối với những người hoạt động không chuyên trách: Tổng số người dôi dư là 17 người, vận động cho nghỉ và đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết chế độ theo quy định, cụ thể:

Stt	Chức danh	Dôi dư	Lộ trình sắp xếp bố trí						Ghi chú
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	
1	Phó Chủ tịch MTTQ	02	x						Vận động nghỉ việc. Giải quyết chế độ chính sách theo quy định
2	Phó Chủ tịch Hội CCB	02	x						
3	Phó Chủ tịch Hội ND	02	x						
4	Phó Chủ tịch Hội LHPN	02	x						
5	Phó Bí thư Đoàn TN	02	x						
6	Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ	01	x						
7	Chủ tịch Hội NCT	01	x						
8	Phó Chỉ huy Trường Quân sự	01	x						
9	Dân tộc-Tôn giáo	01	x						
10	Thú y-Chăn nuôi	02	x						
11	Phụ trách Đài truyền thanh	01	x						
Tổng cộng		17							

3.4. Đối với Phương án sắp xếp các đơn vị sự nghiệp:

a) Đối với các trạm y tế:

Stt	Chức danh	Số lượng người	
		Số lượng	Vị trí phân công
I	Thực trạng trước khi sắp xếp		
1. Trạm Y tế xã Chư Jôr			
1	Trung cấp Nữ hộ sinh	01	Chăm sóc SKSS- Phó phụ trách trạm
2	Bác sỹ Đa khoa	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
3	Trung cấp Y sỹ đa khoa	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
4	Trung cấp điều dưỡng	01	Chăm sóc bệnh nhân
5	Trung cấp điều dưỡng	01	Viên chức thực hiện công tác dân số
	Tổng cộng	05	
2. Trạm Y tế xã Chư Đang Ya			
1	Trung cấp Y sỹ	01	Phó Phụ trách trạm
2	Bác sỹ đa khoa	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
3	Trung cấp Nữ hộ sinh	01	Chăm sóc SKSS
4	Trung cấp Nữ hộ sinh	01	Chăm sóc SKSS
5	Trung cấp điều dưỡng	01	Chăm sóc bệnh nhân
6	Trung cấp điều dưỡng	01	Viên chức thực hiện công tác dân số
II	Phương án bố trí		
1. Trạm Y tế xã Chư Đang Ya (mới)			
1	Trung cấp Y sỹ	01	Phụ trách trạm
2	Bác sỹ đa khoa	01	Khám, điều trị và các chương trình y tế
3	Trung cấp Nữ hộ sinh	02	Chăm sóc SKSS
4	Trung cấp điều dưỡng	02	Chăm sóc bệnh nhân
5	Trung cấp điều dưỡng	01	Viên chức thực hiện công tác dân số
	Tổng cộng	07	

2. Dôi dư sau sắp xếp			
1	Trung cấp Nữ hộ sinh	01	Chuyển về trạm y tế xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Păh, năm 2020
2	Bác sỹ đa khoa	01	Chuyển về Trung tâm y tế huyện Chư Păh, năm 2020
3	Trung cấp y sỹ đa khoa	01	Chuyển về Trạm Y tế xã Nghĩa Hòa, huyện Chư Păh, năm 2020
4	Trung cấp điều dưỡng – thực hiện công tác dân số	01	Chuyển về khoa KSBT HIV/AIDS tỉnh, năm 2020.
	Tổng cộng	04	

- Trụ sở bố trí: Bố trí sử dụng tại Trạm Y tế xã Chư Đăng Ya cũ.
- Phương tiện, trang thiết bị: Chuyển về Trung tâm Y tế huyện để phục vụ công tác khám chữa bệnh.
- Cơ sở vật chất dôi dư: Trạm Y tế xã Chư Jôr (cũ) sẽ thực hiện bàn giao cho đơn vị hành chính xã mới, chuyển thành Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao cho sinh hoạt cộng đồng của xã mới.

b) Dôi với Trường học:

Hiện trạng trước khi sắp xếp			Sau khi thực hiện sắp xếp			
Stt	Chức danh	Số lượng	Stt	Chức danh	Số lượng	Ghi chú
			A	Phương án bố trí		
I	Trường TH &THCS Chư Jôr		I	Trường TH &THCS Chư Đăng Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Đổi tên trường, giảm 02 giáo viên
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	17	3	Giáo viên	15	
4	Thư viện	01	4	Thư viện	01	
5	Bảo vệ	01	5	Bảo vệ	01	
II	Trường Mầm Non Chư Đăng Ya		II	Trường Mầm Non Chư Đăng Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Giữ nguyên trường, tăng 02 giáo viên
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	07	3	Giáo viên	09	
4	Bảo vệ	01	4	Bảo vệ	01	
III	Trường Tiểu học Chư Đăng Ya		III	Trường TH&THCS Chư Đăng Ya		
1	Hiệu trưởng	01	1	Hiệu trưởng	01	Sáp nhập 02 trường, giảm 05 giáo viên (01 hiệu trưởng, 03 giáo viên, 01 thư viện)
2	Phó Hiệu trưởng	01	2	Phó Hiệu trưởng	01	
3	Giáo viên	15	3	Giáo viên	23	
4	Kế toán	01	4	Thư viện	01	
5	Thư viện	01	5	Kế toán	01	
6	Bảo vệ	01	6	Bảo vệ	02	
IV	Trường THCS Chư Đăng Ya		Tổng (I+II+III)		60	
1	Hiệu trưởng	01	B Phương án sắp xếp dôi dư			
2	Giáo viên	11	1	Hiệu trưởng	01	Giải quyết chế độ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
3	Thư viện	01	2	Giáo viên	03	Điều động về Trường THCS Đắk Tơ Ver
4	Bảo vệ	01	3			Điều về Trường Tiểu học Đắk Tơ Ver
	Tổng (I+II+III+IV)	65	4			Giải quyết chế độ theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP
			5	Thư viện	01	Dự kiến sắp xếp, bố trí sau sáp nhập (phụ trách quản lý thiết bị trường học)
				Tổng cộng	05	

4. Phương án bố trí, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau sắp xếp và việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở các đơn vị hành chính cũ trước đây đã thực hiện sắp xếp:

Việc bố trí sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của xã mới hình thành sau sắp xếp và việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, tài sản của xã cũ đã thực hiện sắp xếp được thực hiện căn cứ: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2017, Nghị định 167/2017/NĐ-CP về quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công của Chính Phủ; Nghị định 151/2017/NĐ-CP về hướng dẫn Luật quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư 37/2018/TT-BTC hướng dẫn về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định 167/2017/NĐ-CP, các văn bản hướng dẫn khác và tình hình thực tế tại địa phương. Dự kiến phương án như sau: Giữ nguyên và tiếp tục sử dụng trụ sở làm việc xã Chư Đang Ya làm trụ sở làm việc cho xã mới. Giữ lại trụ sở xã Chư Jôr và tiếp tục sử dụng để làm Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao, Trung tâm sinh hoạt cộng đồng cho toàn xã mới. Rà soát, phân loại và quyết định giữ lại hoặc điều chuyển những tài sản hiện có của xã Chư Đang Ya và xã Chư Jôr theo mục đích sử dụng và quy định về tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công: ⁽¹⁾ Tài sản phục vụ trực tiếp cho hoạt động và nhiệm vụ chuyên môn của xã mới; ⁽²⁾ Phục vụ cho nhiệm vụ và hoạt động của Nhà văn hóa hoặc Hội trường đa năng và sân thể thao, Trung tâm sinh hoạt cộng đồng phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao cho toàn xã mới; ⁽³⁾ Tài sản dôi dư còn lại để điều chuyển cho các xã, đơn vị khác có nhu cầu hoặc xử lý theo quy định.

PHẦN III

ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP ỔN ĐỊNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA LVHC CẤP XÃ MỚI HÌNH THÀNH SAU SẮP XẾP, SÁP NHẬP

1. Định hướng ổn định và phát triển của đơn vị hành chính cấp xã mới hình thành sau khi sáp nhập:

1.1. Về phát triển kinh tế:

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng thương mại dịch vụ - công nghiệp xây dựng - nông nghiệp; phấn đấu tăng thu nhập bình quân đầu người hằng năm; giải quyết tốt việc làm thường xuyên cho người lao động.

- Xây dựng kế hoạch thu ngân sách đạt và vượt theo chỉ tiêu giao hằng năm gắn với chỉ ngân sách đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; thực hiện công khai dân chủ trong việc lập, chấp hành và quyết toán ngân sách; tăng cường công tác kiểm tra kịp thời chấn chỉnh chế độ thu, chi Ngân sách theo Luật ngân sách nhà nước.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng ở huyện và tỉnh đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ cho nông dân; triển khai thực hiện quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với nền kinh tế thị trường. Phát triển các đề án, mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất rau an toàn, trồng cây ăn trái có chất lượng.

1.2. Quy hoạch xây dựng, phát triển hạ tầng nông thôn:

- Phát triển hạ tầng xã hội: Xóa nhà tạm, kiên cố hóa nhà ở trong khu dân cư; thu hút đầu tư, xây dựng thêm các khu dân cư mới.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật: Triển khai xây dựng các dự án ưu tiên về giao thông nông thôn; mở rộng mạng lưới đường ống cấp nước, thoát nước; cải tạo nâng

các lực lượng trong phòng thủ khu vực. Tổ chức tốt công tác huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu, diễn tập khu vực phòng thủ và phối hợp diễn tập với các đơn vị chủ lực theo chỉ đạo của cấp trên.

2.6. Nâng cao chất lượng của hệ thống chính trị: Ủy ban nhân dân xã tập chung đổi mới tổ chức và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý, hoạt động của bộ máy chính quyền xã; thực hiện cải cách hành chính, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; tăng cường kỷ cương, kỷ luật. Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, chú trọng nâng cao vai trò giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng nền tảng chính trị vững chắc cho sự phát triển của xã.

2.7. Cải cách thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân xã chỉ đạo thực hiện việc kiểm soát thủ tục hành chính; tổ chức rà soát, đề xuất, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền bãi bỏ, thay thế những thủ tục hành chính không còn phù hợp; thực hiện tốt việc giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông hiện đại tại xã.

2.8. Xây dựng nông thôn mới: Tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn xã trong giai đoạn 2016 - 2020, tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn, đảm bảo môi trường xanh - sạch - đẹp, an ninh trật tự xã hội an toàn với phương châm phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo tồn được truyền thống, bản sắc văn hóa.

II. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ TRONG VIỆC SẮP XẾP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong việc triển khai thực hiện:

1.1. Phòng Nội vụ:

- Hướng dẫn UBND xã Chư Jôr, xã Chư Đang Ya lập, niêm yết danh sách cử tri phát phiếu lấy ý kiến; tổ chức phát phiếu lấy ý kiến cử tri về Đề án sáp nhập.

- Chuẩn bị mẫu phiếu lấy ý kiến, tài liệu phục vụ lấy ý kiến cử tri (gồm: ⁽¹⁾ Đề án sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã; ⁽²⁾ Bản tóm tắt Đề án, bao gồm các nội dung: Phương án sáp nhập đơn vị hành chính, đánh giá tóm tắt tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và các điều kiện của việc sáp nhập đơn vị hành chính; danh mục các văn bản chủ trương, định hướng của Đảng và Nhà nước) gửi Ủy ban nhân dân các xã để tổ chức lấy ý kiến cử tri theo từng thôn, tổ dân phố.

- Tham mưu UBND huyện tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn gửi cấp có thẩm quyền theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015.

- Tham mưu UBND huyện hướng dẫn tổ chức kiện toàn hệ thống chính quyền ở đơn vị hành chính mới sau khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính mới theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ, quy trình, thủ tục tham mưu Ủy ban nhân dân huyện giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết chế độ, chính sách đối với các trường hợp cán bộ, công chức nghỉ việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

- Tham mưu UBND huyện quyết định sắp xếp, bố trí lại đội ngũ công chức ở đơn vị hành chính mới theo đúng lộ trình thời gian quy định.

- Tham mưu, đề xuất thực hiện công việc, nội dung phân công tại Đề án của tỉnh giao cho UBND huyện Chư Păh thuộc lĩnh vực phụ trách.

1.2. Phòng Tài chính-Kế hoạch: Bố trí nguồn kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, thực hiện giám sát việc sử dụng kinh phí bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả.

1.3. Văn phòng HĐND-UBND: Đăng tải tài liệu phục vụ lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của huyện trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri. Hướng dẫn thực hiện việc chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức khi thay đổi địa giới đơn vị hành chính do sắp xếp, sáp nhập; bảo đảm thủ tục chuyển đổi phải đơn giản, thuận tiện cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện chuyển đổi.

1.4. Phòng Văn hóa-Thông tin: Xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến Đề án sáp nhập xã Chư Jôr với xã Chư Đang Ya trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

1.5. Các cơ quan, đơn vị có liên quan: Theo phạm vi nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, phối hợp với phòng Nội vụ triển khai thực hiện Đề án sáp nhập đảm bảo đúng lộ trình thời gian; hướng dẫn, tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn (nếu có) khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã.

1.6. Công an huyện và Ban CHQS huyện:

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ các đơn vị chủ động xây dựng kế hoạch, các phương án để bảo đảm an ninh trước, trong và sau khi tổ chức lấy ý kiến cử tri; theo dõi, bám sát địa bàn, bố trí lực lượng duy trì an ninh, trật tự khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cử tri theo quy định.

1.7. Đề nghị Ban Tổ chức huyện ủy:

- Phối hợp với phòng Nội vụ trong việc giải quyết chế độ, chính sách đối với trường hợp thuộc khối Đảng, đoàn thể chính trị xã hội cấp xã nghỉ việc được hưởng chế độ, chính sách theo quy định.

- Hướng dẫn kiện toàn tổ chức Đảng, đoàn thể chính trị-xã hội ở đơn vị hành chính mới sau khi cấp có thẩm quyền quyết định sáp nhập để thành lập đơn vị hành chính mới.

- Chủ trì tham mưu phương án bố trí, sắp xếp cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc thẩm quyền Huyện ủy Chư Păh.

1.8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội huyện Chư Păh:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân để tạo sự đồng thuận, thống nhất về nhận thức và hành động khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn thành phố.

1.9. Đề nghị Hội đồng nhân dân xã Chư Jôr, xã Chư Đang Ya:

Trên cơ sở Đề án sáp nhập đơn vị hành chính của Ủy ban nhân dân huyện, ý kiến của cử tri địa phương, Hội đồng nhân dân các xã thảo luận, biểu quyết về chủ trương sáp nhập đơn vị hành chính theo quy định.

1.10. Ủy ban nhân dân xã Chư Jôr, xã Chư Đang Ya:

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị xã hội cùng cấp tổ chức thông tin, tuyên truyền về lấy ý kiến cử tri nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, đúng đắn cho cử tri trong việc sáp nhập đơn vị hành chính. Qua đó để cử tri hiểu rõ ý nghĩa, nội dung của việc lấy ý kiến; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cử tri; động viên, khuyến khích cử tri tham gia tích cực khi cơ quan có thẩm quyền tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Tổ chức tuyên truyền và lập, niêm yết danh sách cử tri tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, các điểm sinh hoạt cộng đồng trên địa bàn xã trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Căn cứ danh sách cử tri trên địa bàn để phát phiếu lấy ý kiến theo quy định; xây dựng kế hoạch, tổ chức tuyên truyền, phổ biến tài liệu phục vụ việc lấy ý kiến cử tri trên các phương tiện thông tin đại chúng của xã và tại các cuộc họp thôn, làng, tổ dân phố trong thời gian tổ chức lấy ý kiến cử tri.

- Tổng hợp và lập báo cáo kết quả lấy ý kiến cử tri trên địa bàn gửi Hội đồng nhân dân cùng cấp và Ủy ban nhân dân huyện (qua phòng Nội vụ) để tổng hợp báo cáo cấp có thẩm quyền.

- Giải quyết khiếu nại của công dân, tổ chức (nếu có) về kết quả lấy ý kiến cử tri và thông báo cho người khiếu nại biết kết quả giải quyết theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các ĐVHC mới hình thành sau khi sáp nhập trong việc sắp xếp, ổn định tổ chức bộ máy, thực hiện tinh giản và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách; thực hiện chuyển đổi các loại giấy tờ cho cá nhân, tổ chức do thay đổi địa giới ĐVHC cấp xã:

- Trên cơ sở danh mục, số lượng vị trí việc làm quy định để tổ chức cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị; xây dựng kế hoạch, lộ trình và thực hiện việc sắp xếp số lượng cán bộ, công chức, viên chức, những người hoạt động không chuyên trách đối dư gắn với thực hiện tinh giản biên chế theo các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, quy định của nhà nước và theo lộ trình của Đề án này.

- Xây dựng phương án cụ thể về việc bố trí, phân công nhiệm vụ cho cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị hành chính mới; xây dựng nội quy, quy chế làm việc của đơn vị theo quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế.

- Tiến hành sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, đánh giá, phân loại, bố trí đội ngũ cán bộ, công chức, những người hoạt động không chuyên trách tại đơn vị, bảo đảm lựa chọn được những người có phẩm chất, năng lực để đảm nhận những vị trí công việc tại đơn vị hành chính mới.

- Rà soát, thống kê, đánh giá và thực hiện các quy trình để trình cấp có thẩm quyền phân loại đơn vị hành chính xã mới; thực hiện quy trình, thủ tục thay đổi thông tin đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách và quy trình, thủ tục đăng ký lại mẫu con dấu theo đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động công vụ, xây dựng chính quyền điện tử; nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp các dịch vụ công, mở rộng thực hiện mô hình trung tâm phục vụ hành chính công theo hướng một cửa, một cửa liên thông; cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch.

- Chủ động triển khai, hướng dẫn cho cá nhân, tổ chức thực hiện các thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ có liên quan do thay đổi địa giới đơn vị hành chính. Việc chuyển đổi các loại giấy tờ cần phải được thực hiện ngay sau khi Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã có hiệu lực thi hành, bảo đảm tuyên truyền, công khai theo quy định và tạo thuận lợi nhất cho cá nhân, tổ chức khi thực hiện việc chuyển đổi.